M.S.C.N: 0313306028-001 C.T.C.P
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC
-------&&&-------

HỒ SƠ NĂNG LỰC

TÊN ĐƠN VỊ : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ : P15, ĐƯỜNG D2, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH , TP. HỒ CHÍ MINH

MST: 0313306028

CHỦ DỰ ÁN : CÔNG TY TNHH NHIỆT ĐIỆN VŨNG ÁNG II (VAPCO)

Hà Nội tháng 08 năm 2024

PHỤ LỤC

PHẦN 1 : GIỚI THIỆU CÔNG TY

PHẦN 2 : SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY VÀ NHÂN SỰ THỰC HIỆN DỰ ÁN

PHẦN 3: HỢP ĐỒNG DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

PHẦN 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PHẦN 1 : GIỚI THIỆU CÔNG TY

CÔNG TY CP VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

Số: 11/2020/UQ/VCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 01 tháng 09 năm 2020

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự Việt Nam.
- Căn cứ vào chức năng và quyền hạn của Giám đốc công ty Cổ Phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam

Những người liên quan thực hiện nội dung ủy quyền cụ thể như sau:

NGƯỜI ỦY QUYỀN (BÊN A):

Ông: **Trần Nguyên Giáp**

Chức vụ: Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

Số CMND: 024672928 Ngày cấp: 08/12/2006 Nơi cấp: CA Tp. Hồ Chí Minh

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN (BÊN B):

Ông: **Cao Xuân Hải**

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa tháp VCCI, Số 09 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Số CMND: 182231952 Ngày cấp: 02/11/2019 Nơi cấp: CA Tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Điều 1: Phân công và ủy quyền cụ thể như sau:

- Bên A ủy quyền cho bên B ký tên, đóng dấu các hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, hợp đồng vận chuyển với các công ty khách hàng do Bên B khai thác và giao dịch trực tiếp, đồng thời xử lý các công việc liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng. Sau khi hợp đồng đã được kí kết bởi hai bên, Bên B có trách nhiệm gửi bản cứng hợp đồng vào cho Bên A để quản lý và lưu trữ theo quy định của công ty.
- Bên B có trách nhiệm thực hiện nội dung ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật và của Công ty Cổ Phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam.

Điều 2: Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có thông báo chính thức về việc chấm dứt ủy quyền này.

NGƯỜI ỦY QUYỀN	NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC Cao Xuân Hải

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

Mã số chi nhánh: 0313306028-001

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 10 năm 2016

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Tầng 17 Tòa tháp VCCI, số 09 Phố Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0439.323.999* Fax: *0435.511.777*

Email: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: CAO XUÂN HẢI Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *05/08/1979* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *182231952*

Ngày cấp: *16/02/2011* Nơi cấp: *Công an tỉnh Nghệ An*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 2B, Xã Diễn Trung, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P607-CT6B-KĐT Đặng Xá, Xã Đặng Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 0313306028

Địa chỉ trụ sở chính: P15 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ 02

Đinh Minh Quang

CÔNG TY CP VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:2206/QĐ	**Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Tp Hồ Chí Minh, Ngày 22 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Thành lập Văn phòng đại diện

– Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

– Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần vận tải toàn cầu Việt Nam

– Căn cứ Biên bản họp hội đồng quản trị thông qua về việc thành lập văn phòng đại diện và bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng đại diện của công ty;

– Xét tình hình triển khai hoạt động sản xuất tại dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II tại khu kinh tế Vũng Áng, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh và dự án xây dựng nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 – tại khu kinh tế Hòn La, Quảng Đông , Quảng Trạch , Quảng Bình

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Quyết định

1. Thành lập văn phòng đại diện công ty

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa) VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM – VŨNG ÁNG

Địa chỉ: Quốc lộ 12 C, Tây Yên, Phường Kỳ Thịnh , Thị Xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện

Do ông/bà : **Ông Hà Huy Lâm - Phó Giám đốc chi nhánh**

Căn cước công dân số : 001087003879 ngày 21/04/2021

Nơi cấp Cục Cảnh Sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Làm người đứng đầu văn phòng đại diện

Điều 2: Ông Hà Huy Lâm có trạch nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh sản xuất của văn phòng Vũng Áng liên quan đến dự án đã nêu ở trên,

Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của công ty, người đứng đầu văn phòng đại diện công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

– Như Điều 3;

– Lưu VT

LÃNH ĐẠO CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

Trần Nguyên Giáp

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC GSQL VỀ HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 454 /GSQL-TH

V/v thông báo gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Kính gửi: Công ty cổ phần vận tải toàn cầu Việt Nam.
(Đ/c: P15, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh)

Trả lời công văn của Công ty cổ phần vận tải toàn cầu Việt Nam về việc đề nghị gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, Cục Giám sát quản lý về hải quan – Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho ông:

Đoàn Đăng Lương; Sinh ngày: 28/08/1989; Mã số: 040089019437.

Thẻ và mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan ông Đoàn Đăng Lương (gửi kèm theo) có thời hạn sử dụng đến 08/4/**2027.**

2. Công ty cổ phần vận tải toàn cầu Việt Nam (MST: 0313306028) và ông Đoàn Đăng Lương có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Luật Hải quan, Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16/04/2019 của Bộ Tài chính.

Cục Giám sát quản lý về Hải quan – Tổng cục Hải quan thông báo để Công ty được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh (để p/h);
- Cục CNTT & TKHQ (để p/h);
- Lưu: VT, TH (3).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC GIÁM SÁT QUẢN LÝ VỀ HẢI QUAN

Nguyễn Thế Việt

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0313306028

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 06 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 11 tháng 11 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION

Tên công ty viết tắt: VGT

2. Địa chỉ trụ sở chính

P15 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *08 6258 9019* Fax: *08 6258 9015*

Email: Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 7.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật cũa công ty

* Họ và tên: TRẦN NGUYÊN GIÁP Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *15/01/1971* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *051071000400*

Ngày cấp: *01/07/2019* Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội*

Địa chỉ thường trú: *377/8/31 Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *377/8/31 Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

Phó Trưởng Phòng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Võ Thành Thơ

INTRODUCTION TO THE COMPANY CAPABILITIES

1. General information:

Company Name : **VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION (VGT)**

Address

Transaction office : Unit 1106, 11th floor, Sai Gon Riverside Office Center, #2A - 4A Ton Duc Thang street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh city, Vietnam.

Operation office : P15 D2 street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh city, Vietnam.

Tel : +84 8 62 589 019.

Fax : +84 8 62 589 015.

Email : info@vgt.com.vn.

BRANCH OFFICE IN HA NOI.

Address : 17th floor, VCCI Bulding, #9 Dao Duy Anh street, Dong Da District, Hanoi, Vietnam.

Phone : +84 4 3932 39 99 Fax: +84 4 3 5511 777.

2. Human Resource:

Total employee: 272 staffs.

No.	Occupation	Grade / Degree	Experience	Number of staffs
1	Sales and Marketing Team *(including both South and North area)*.	University/MBA	High level	20
2	Operation Team *(including both South and North area)*.	College	High level	50
3	Mechanics	Engineer	High level	15
4	Transport Engineers	Engineer	High level	10
5	Marine Engineers	Engineer	High level	5
6	Stevedor Engineers	Engineer	High level	12
7	Crane operators	Worker	Trained & Qualified	10
8	Operators and drivers *(including special equipment operators)*	Worker	Trained & Qualified	70
9	Riggers, workers	Worker	Trained & Qualified	80



5. Recent project records: *(to be updated periodically)*

5.1 Wind Farm Projects

No.	PROJECT	DURATION	VOLUME	CLIENT
1	KOSY Wind Power Farm – Phase 1 (*)	2021	9 WTGs / Goldwind	KOSY Group
2	Hoa Binh 5 Wind Power Farm – Phase 1 (*)	2021	26 WTGs / Envision	HACOM Holding Group
3	Hung Hai Wind Power Farm (*)	2021	12 WTGs / Siemens	SiemensGamesa.
4	Huong Linh 3 Wind Power Farm (*)	2021	9 WTGs / Envision	Power China
5	Huong Linh 4 Wind Power Farm (*)	2021 ~ 2022	10 WTGs / Envision	Power China

6	Ea H'leo Wind Power Farm (*)	2021	84 WTGs / Enercon	Trung Nam Group
7	Thanh Phong Wind Farm (*)	2021 ongoing	09 WTGs / Goldwind	Power China
8	Yang Trung Wind Farm (*)	2021	28 WTGs / Goldwind	CEDC
9	Cho Long Wind Farm (*)	2021	35 WTGs / Goldwind	CEDC





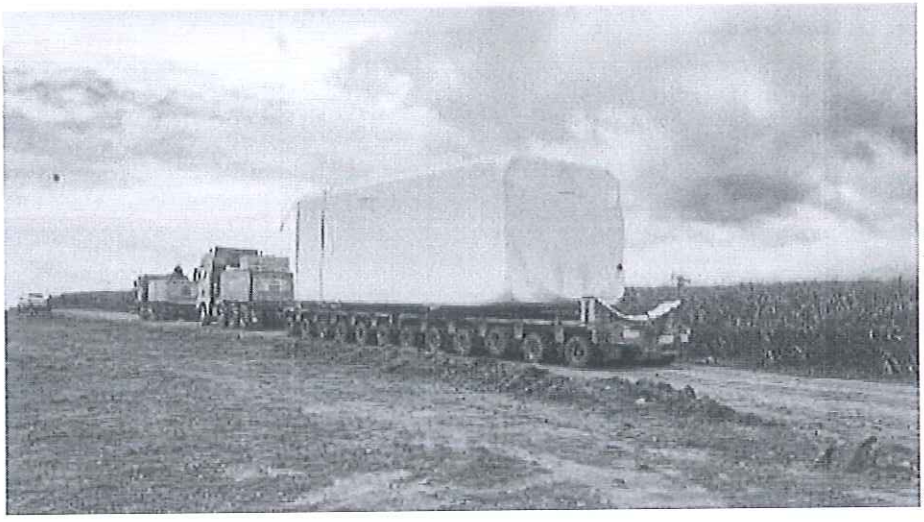


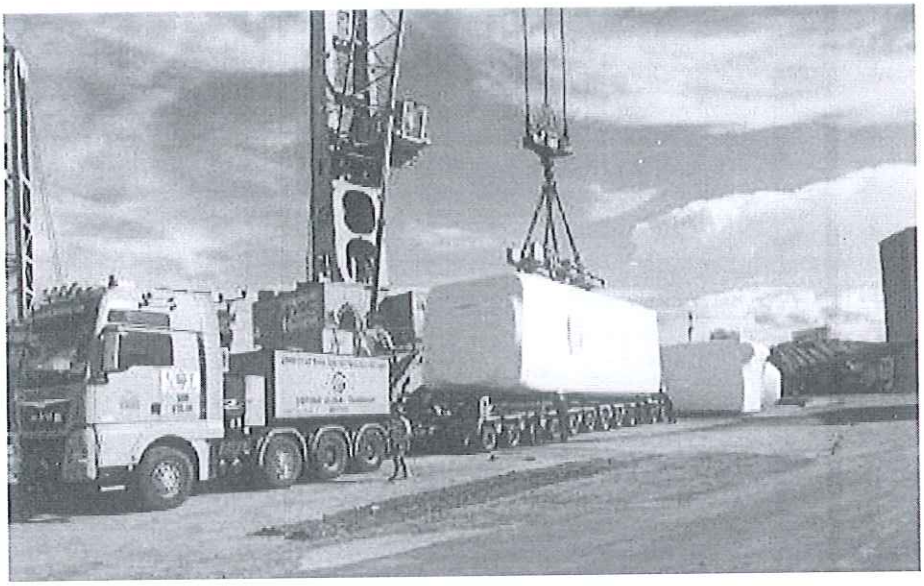


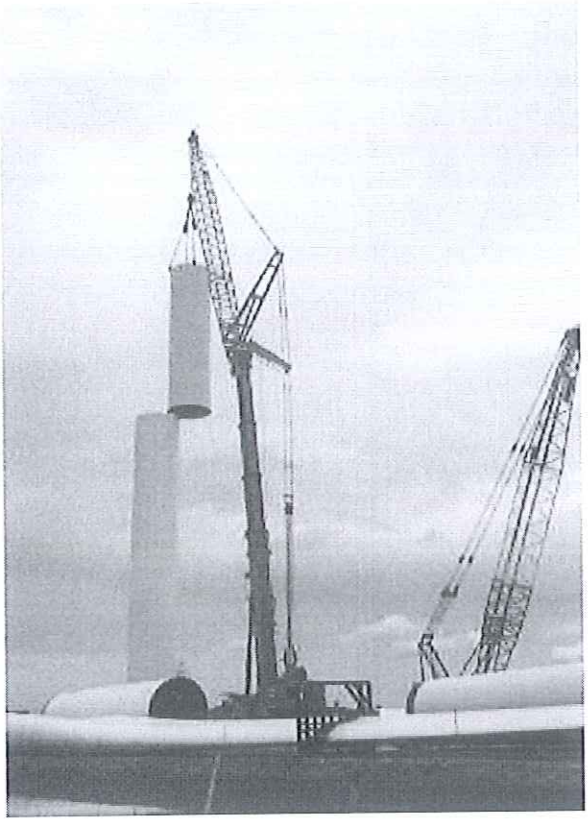














5.2 Other ongoing projects.

No.	PROJECT	DURATION	VOLUME	CLIENT
6	Van Phong Thermal BOT Power Plant (*)(**) – Contract Package CTCI, IHI	2019 on going	400,000 F/T	CTCI / Kuehne + Nagel Co., Ltd. IHI
7	LSP Complex Project – Package B HDPE Plant and Package C PP Plant (*)(**)	2019 on going	80,000 F/T	Samsung Engineering Co., Ltd.
8	LSP Complex Project – Package A1 – Olefins and relevant works (*)(**)	2020 on going	800,000 F/T	TechnipFMC – SK Corporation
9	LSP Complex Project – Package G – Central Untilities (*)(**)	2020 on going	70,000 F/T	Hyundai Engineering & Construction

5.3 Past projects

No.	PROJECT	CLIENT
10	Erection services (both mechanical and electrical) and logistic services for the whole line equipment of Roller Hearth Furnace for Schaeffler VN (*)	Schaeffler Vietnam / Wienstroth (Germany)
11	Transport, delivery & erection of Flight Training Centers for Vietnam Airlines, Vietjet Air & BAA(*)	Vietnam Airlines, Vietjet Air, BAA
12	Removal and erection services (mechanical and electrical) for the whole line equipment of Sai Gon Industry Corporation (*)	Sai Gon Industry Corporation
13	Site survey, external visual inspection for expansion joints of S 1 & S2 Boilers – Vinh Tan 2 Coal Fired Power Plant (Tuy Phong district, Binh Thuan province, Vietnam) (*)	EVN*GENCO 3* Power Service Company
14	The dismantle, transportation and installation services of main transformers for Phu My 1 Combined Cycle Power Plant (Phu My 1 Industrial Park - Phu My Ward, Phu My District, BRVT Province, Vietnam) (*)	EVN*GENCO 3* Power Service Company
15	The Preliminary Visual Inspection for HRSG 12 - Phu My 1 Combined Cycle Power Plant (*) ▪ Preliminary Visual HRSG Inspection (hot & cold condition) ▪ Debriefing to end user. Data collection and final report on the inspection including repairing solution.	EVN*GENCO 3* Power Service Company
16	Da Mi Solar Power Plant (47.5 MW) (*)	Power China Huadong – Chin't Solar – Sinohydro.
17	Phuoc Huu Solar Power Plant (65 MW) (*)	
18	Sinenergy Ninh Thuan Solar Power Project (50 MW) (*)	Sinohydro Corp. Ltd.
19	Son My 3.1 Solar Power Plant (*)	PECCC2.

20	BIM I Solar Power Plant (30 MW) (*)	AC Energy.
21	A part of Thai Binh 1 Thermal Power Project (Thai Binh province, Vietnam). (*)(**)	JEL (Singapore)
22	A part of Duyen Hai 3 Extention Power Project (Tra Vinh province, Vietnam). (*)(**)	JEL (Singapore)
23	Phu My – Ba Ria Power Complex (Phu My 1, Phu My 2, Phu My 3, Phu My 4 CCPP). Maintenance service for Rotor, Generator, Main Transformer (From Phu My, Ba Ria Vung Tau to HCM city & vice versa) (*)	Electricity of Vietnam (Evn)
24	Sinh Heung Precision Co., Ltd (From Ho Chi Minh city to Long Thanh, Dong Nai province, Vietnam). (*)(**)	Sinh Heung Precision
25	Bim Son Cement Plant (Thanh Hoa province, Vietnam). (*)	Loesche / Deugro (Deutschland)
26	Xuan Thanh Cement Plant (Ha Nam province, Vietnam). (*)(**)	Loesche / Deugro (Deutschland)
27	Sun Paper (Laos) (Transit from Vietnam to Laos). (*)	Sinoma.
28	Heavy main transformers for local stations (transport and installation) (Vietnam nation wide) (*)	Electricity of Vietnam.
29	Song Lam Cement Project & Nghi Thiet Grinding Mill (Nghe An province, Vietnam). (*)(**)	Sinoma
30	Super heavy equipment for export (Biowave, Surgebin) (*)	FLS Vietnam.
31	An Khe Sugar Plant (Gia Lai province, Vietnam). (*)(**)	NEADs - Quang Ngai Sugar Corp.
32	Dakpoco Hydro Power Plant (From Ho Chi Minh city to Kontum province, Vietnam). (*)	Foreseen (China).
33	Shifting of heavy gantry crane (including transport and load-out and load-in operation) (HCM city to Ba ria Vung Tau) (*)	Sai Gon New Port.
34	Ho Chi Minh city Urban Railway - Line 1 (Ho Chi Minh city, Vietnam). (*)(**)	Sumitomo, Mitsui-Sumitomo, Shimizu, Maeda, Hitachi.
35	HCM city Water Environment Improvement Project (*)(**)	Yasuda - Kolon J/V.
36	Thien Tan Water Plant (Dong Nai province, Vietnam) (*)(**)	Patra / Posco (Korea)
37	Khamkeut - Saen Oudom Gold Mining, Laos (Transit from Vietnam to Laos).	Cu Chi Shipping
38	Ha Bac Fertilizer Rehabilitation Project (Bac Giang province, Vietnam). (*)(**)	Wuhuan Engineering Corp.

Remarks:

- All project marked with a (*) are with formal Environmental Management System and formal Quality Management System requirements.
- All project marked with a (**) are including tax exemption services.

6. **Equipment Capability:**

No.	Type of Equipment	Country of Manufacture	Capacity	Quantity	YOM
1	MAN heavy duty Prime Mover.	Germany	540 HP – 680 HP	4	2013 – 2016
2	Goldhofer modular trailer, Model THP/SL6 available for double file or lengthwise configuration.	Germany	45 tons/axle	36	2015 – 2017
3	Goldhofer self propelled modular trailer (SPMT) (Joint – Operated).	Germany	45 tons/axle	24	2015
4	Goldhofer modular trailer (Joint – Operated).	China	40 tons/axle	24	2016
5	Nicolas heavy modular trailer (Joint – Operated).	France	34 tons/axle	40	2010
6	Hyundai heavy prime mover 90 tons (pulling strength).	Korea	440 HP	5	2013 – 2015
7	Maxforce Tractor.	USA	450 HP	65	2012 – 2014
8	Freightliner / Thaco/ Sitrak Tractor.	USA, Vietnam, China	450 ~ 475 HP	60	2012 – 2014
9	Cranes (crawler & telescopic)	USA – Germany	50 tons – 150 tons	5	2012 - 2016
10	Cranes (crawler & telescopic) (J/O).	USA – Germany	200 tons – 400 tons (lifting)	3	2007 – 2012
11	Forklift.	USA - Korea	5 tons - 10 tons (lifting)	5	2010 – 2012
12	Crane – mounted truck.	Korea	15 tons (lifting)	3	2015 – 2016
13	Flat trailer.	Vietnam	30 tons (loading)	95	2014 – 2016
14	Low bed trailer.	Vietnam	45 - 60 tons (loading)	25	2014 – 2016
15	Extendable trailer (21m ~ 30m extended).	Korea, Vietnam	30 tons (loading)	8	2015 – 2020
16	Extendable trailer (55m ~ 59m extended).	Netherland, China	38 ~ 42 tons (loading)	6	2014 – 2021
17	Extendable trailer (29m ~ 32m extended).	Germany, Korea	60~ 90 tons (loading)	4	2006 – 2021
18	Goldhofer Double Extendable Semi Lowbed	Germany	80 tons (loading)	2	2010
19	Adapter set for wind farm blade transport	China	For blades up to 28 tons/each	3	2019

20	Enclosed general cargo truck.	Vietnam	34 tons (loading)	15	2016 – 2017.
21	Barge for river transport (Joint – Operated)	Vietnam	600 DWT – 800 DWT	8	2005 – 2015
22	Barge for sea-going (Joint – Operated).	Vietnam	1200DWT – 3000 DWT	3	2005 – 2015
23	Tug boat (Joint – Operated).	Vietnam	350 HP – 1500HP	3	2003 – 2005
24	Wheel loader.	China	2 CBM (bucket size)	2	2014
25	Hydraulic jacks.	Japan & USA	50 tons - 100 tons (jacking)	12	2005
26	Hydraulic pushing system.	Vietnam	350 tons (skidding)	4	2015 – 2017
27	Ballasting pump.	Singapore	300 m^3/hour -	15	2014
28	Hydraulic strand jacks (Joint – Operated)	UK – Korea	100 tons – 600 tons	4 sets	2005 – 2010.
29	Other facilities (steel plates, beams, rampway, turn-tables…)	Vietnam			

The fleet will be added in the next course.

3. **Key positions:**

3.1 Full Name: Bui Ngoc Dzung (Mr.) / Dustin.

- Year of birth: 1969.
- Place of birth: Da Nang city, S.R. Viet Nam.
- Qualification: International Trade.
- 19 years similar work experience.

Typical jobs to attend and manage:

- **Phu My 3 Combined Cycle Power Project:**
- **Ca Mau 1 & Ca Mau 2 Combined Cycle Power Project:**
- **Nhon Trach 1 Combined Cycle Power Project:**
- **Phu My Fertilizer Project**
- **Ca Mau Fertilizer Project:**

Other similar jobs: Phu My I CCPP by MHI, Phu My 2.1 CCPP & Phu My 4 by Alstoms – Marubeni, etc….

3.2 Full Name: Nguyen Anh Phuong (Mr.) / Kevin.

- Year of birth: 1974.
- Place of birth: Quang Ngai Province, S.R. Viet Nam.
- Qualification: Economics.
- 12 years similar work experience.

Typical jobs to attend and manage:

- **Ca Mau 1 & Ca Mau 2 Combined Cycle Power Project:**
- **O Mon 1 – Phase 1 Power Project:**
- **Nghi Son 1 Thermal Power Plant:**
- **Duyen Hai 3 Extension Thermal Power Plant:**

3.3 Full Name: Nguyen Khanh Nam (Mr.) / Nicholas

- Year of birth: 1979.
- Place of birth: Nha Trang, Khanh Hoa Province, S.R. Viet Nam.
- Qualification: Economics.
- 12 years similar work experience.
- Good command in English language.

Typical jobs to attend and manage:

- **Phu My 3 Combined Cycle Power Project:**
- **Phu My Fertilizer Project:**
- **Nhon Trach 1 Combined Cycle Power Project:**

- **Nhon Trach 2 Combined Cycle Power Project:**

3.4 Full Name: Bui Tan Truong (Mr.) / Steven.

- Year of birth: 1980.
- Place of birth: Lam Dong province, S.R. Viet Nam.
- Qualification: MA International Trade, Economics.
- 12 years similar work experience.
- Good command in English language.

Typical jobs to attend and manage:

- **Ca Mau 1 & Ca Mau 2 Combined Cycle Power Project:**
- **Ca Mau Fertilizer Project:**
- **All Siemens' Outage services for Phu My 3 CCPP, Phu My 2.1 CCPP.**
- **All Oil & Gas heavy load – out services for Petro Vietnam (PTSC, Vietsov Petro etc...).**

4. **Local offices and subsidiaries:**

- **Head office in Ho Chi Minh city:**

    1) Sales & Business Development.
    2) Administration.
    3) Accounting.
    4) Operation.
    5) Technical & Consulting.

- **Ha Noi Branch Office.**

- **Phu My Branch Office, Ba ria – Vung Tau province.**

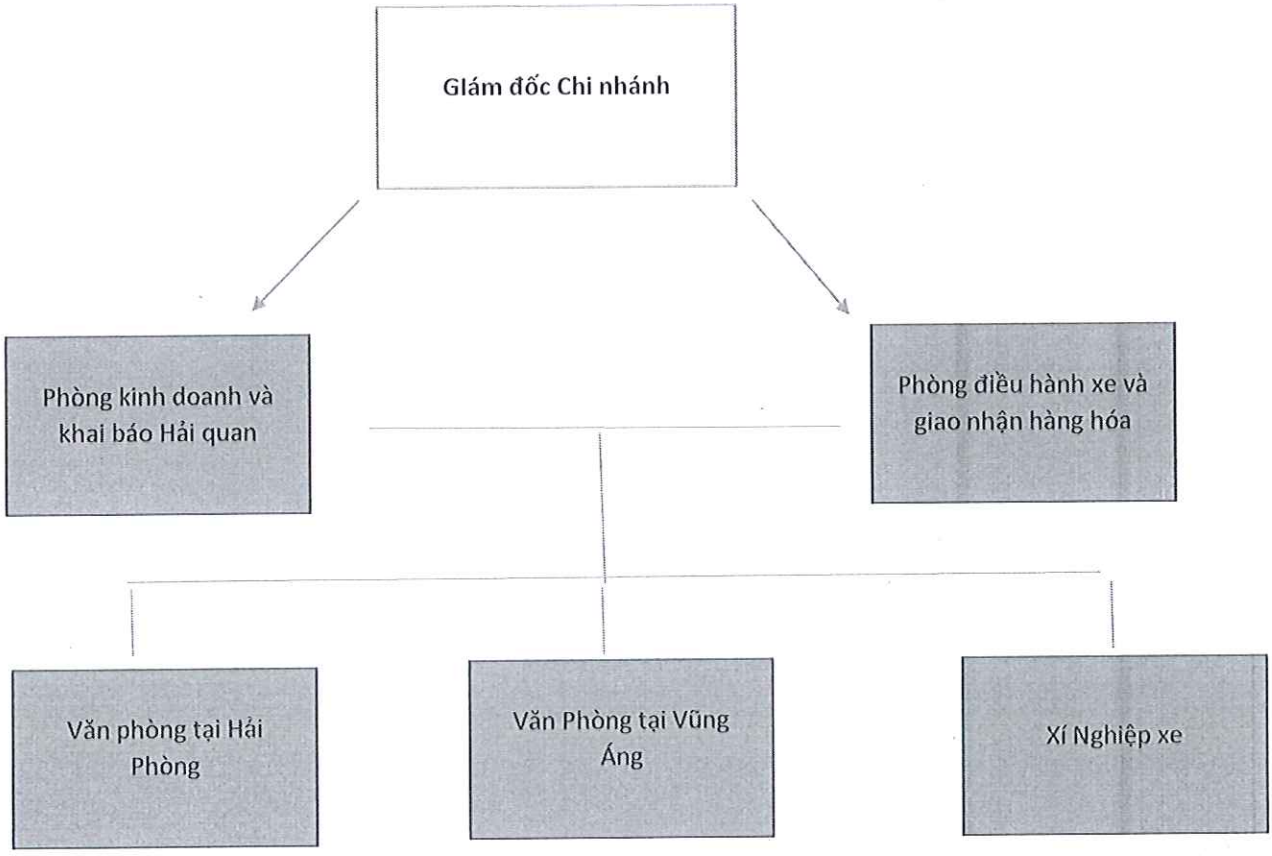
- **Hai Phong Representative Office.**

- **Can Tho Representative Office.**

PHẦN 2 : SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY VÀ NHÂN SỰ THỰC HIỆN DỰ ÁN

VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION
Northern Branch Office: the 17th floor, VCCI Tower, No. 9 Dao Duy Anh str., Dong Da, Hanoi city, Vietnam.
P: +84 4 3932 39 99| F: +84 4 3 55 11 777|
Hp.0988428166

Organnization chart and number of Staff for Project



Key Staff for Project

1, Full Name: Cao Xuan Hai (Mr.) / Sean. – Branch Director

- Year of birth: 1976
- Place of birth: Nghe An provin, S.R. Viet Nam
- Qualification: International Trade.
- 12 years similar work experience.

2, Full Name: Ha Huy Lam (Mr.) / Terry

- Year of birth: 1987
- Place of birth: Bac Giang Province, S.R. Viet Nam.
- Qualification: Economics.
- 10 years similar work experience

3, Full Name: Doan Dang Luong (Mr.) / Tommy

- Year of birth: 1989
- Place of birth: Nghe An Province, S.R. Viet Nam.
- Qualification: International Trade
- 8 years similar work experience

4, **Full Name: Nguyen Duc Kieu**

- Year of birth: 1991
- Place of birth: Hai Phong Province, S.R. Viet Nam.
- Qualification: International Economics
- 6 years similar work experience

5, **Full Name: Khuat Minh Nguyet**

- Year of birth: 1996
- Place of birth: Ha Noi City, S.R. Viet Nam.
- Qualification: International Trade
- 5 years similar work experience

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Số: 3787/QĐ-TCHQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận đại lý làm thủ tục hải quan gửi kèm công văn số 01/VTTCVN ngày 31/10/2016 của Công ty cổ phần vận tải toàn cầu Việt Nam;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận:

Công ty cổ phần vận tải toàn cầu Việt Nam.

Mã số thuế: 0313306028.

Địa chỉ: P15, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0313306028 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 15/6/2015.

Đủ điều kiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Công ty cổ phần vận tải toàn cầu Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Luật Hải quan, Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Giám đốc Công ty cổ phần vận tải toàn cầu Việt Nam, Cục trưởng Cục Giám sát quản lý về hải quan và Cục trưởng Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục CNTT&TKHQ;
- Lưu: VT, GSQL (3).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH TỔNG CỤC HẢI QUAN

Vũ Ngọc Anh

MINISTRY OF FINANCE
GENERAL BUREAU OF CUSTOMS

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

No.: 3787/QĐ-TCHQ

Ha Noi, 3rd November 2016.

DECISION
ON THE RECOGNITION OF AGENCY ACTIVITIES OF CUSTOMS CLEARANCE

CHIEF OF GENERAL BUREAU OF CUSTOMS

Pursuant to the Law of Customs No. 54/2014/QH13 dated 23rd June 2014;

Pursuant to the Decree No. 12/2015/TT-BTC dated 30th January 2015 by Ministry of Finance stipulating in details the procedure to grant the Certificate of customs declaration Profession; the grant and withdrawal of code for customs clearance agent; the procedure and formalities to recognize as well as the activities of customer clearance agent;

Pursuant to the dossiers requesting for the recognition of customs clearance agent accompanying with the letter No. 01/VTTCVN dated 31st October 2016 by Vietnam Global Transport Corporation;

In consideration of the Chief of the Inspection and Supervision Bureau of Customs.

DECISION

Article 1. It is recognized that:

VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION.

Tax code: 0313306028.

Address: P15, D2 street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh city.

Business Registration, entity code: 0313306028 licensed by the Business Registration Unit, Service of Planning and Investment of Ho Chi Minh city on 15th June 2015.

Is qualified to work as the agent for customs clearance.

Vietnam Global Transport Corporation is responsible to obey the Laws of Customs, the Decree No. 12/2015/TT-BTC dated 30th January 2015 by the Ministry of Finance which stipulating in details the procedure to grant the Certificate of customs declaration Profession; the grant and withdrawal of code for customs clearance agent; the procedure and formalities to recognize as well as the activities of customer clearance agent.

Article 2. This Decision is valid from the date of signature.

Article 3. The Director of Vietnam Global Transport Corporation, the Chief of the Inspection and Supervision Bureau of Customs and the Chief of Bureau of Customs of Ho Chi Minh city are responsible to execute this Decision.

To:
- As in Article 3,
- *Bureau of CNTT & TKHQ,*
- *Filed at VT, GSQL (3)*

ON BEHALF OF CHIEF OF BUREAU
Deputy Chief
Vu Ngoc Anh
Signed

DNV·GL

MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE

Certificate No:
239933-2017-AQ-VNM-UKAS

Initial certification date:
13 July, 2017

Valid:
13 July, 2017 - 13 July, 2020

This is to certify that the management system of

VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION

Room 1106, 11th Floor, Saigon Riverside Office Center, 2A-4A Ton Duc Thang Street, Ho Chi Minh City, Vietnam

and the sites as mentioned in the appendix accompanying this certificate has been found to conform to the Quality management system standard:

ISO 9001:2015

This certificate is valid for the following Scope:

- **Import-Export, Customs clearance formality and freight forwarding.**
- **Handling multi-modal transportation both domestics and overseas.**
- **Transporting, lifting and loading-out/ loading-in of super heavy consignment, over-dimension equipment and project cargo.**
- **Designing and consulting method statement for transporting, lifting and loading-out/ loading-in of heavy and over-dimension consignments and project cargo.**

Place and date:
Singapore, 13 July, 2017

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS
0013

For the issuing office:
DNV GL – Business Assurance
16 Science Park Drive
DNV GL Technology Centre
Singapore 118227

Lim Jit Ting
Management Representative

Lack of fulfilment of conditions as set out in the Certification Agreement may render this Certificate invalid.
ACCREDITED UNIT: DNV GL Business Assurance UK Limited, 4th Floor Vivo Building, 30 Stamford Street, SE1 9LQ, United Kingdom
TEL: +44(0) 207 357 6080. assurance.dnvgl.com

Certificate No: 239933-2017-AQ-VNM-UKAS
Place and date: Singapore, 13 Jul, 2017

Appendix to Certificate

VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION

Locations included in the certification are as follows:

Site Name	Address	Site Scope
VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION	Company: Room 1106, 11th Floor, Saigon Riverside Office Center, 2A-4A Ton Duc Thang Street, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam	- Import-Export, Customs clearance formality and freight forwarding. - Handling multi-modal transportation both domestics and overseas. - Transporting, lifting and loading-out/ loading-in of super heavy consignment, over-dimension equipment and project cargo. - Designing and consulting method statement for transporting, lifting and loading-out/ loading-in of heavy and over-dimension consignments and project cargo.
VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION	P15, D2 Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam	License Address

WCA | Leading the World in Logistics Partnering

WCA FIRST · WCA ADVANCED PROFESSIONALS · WCA CHINA GLOBAL · WCA INTER GLOBAL

CERTIFICATE OF MEMBERSHIP

This is to Certify that

Vietnam Global Transport Corporation (VGT)

Has successfully complied with the conditions of membership for

WCA

2018 - 2019

DAVID L YOKEUM

CHAIRMAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường *Đại học Dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội*

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC



loại hình đào tạo ..... CHÍNH QUY .....

ngành ..... *Quản lý Kinh doanh* .....

hạng .... *Khá* ..... năm tốt nghiệp . *2002* ....

và công nhận danh hiệu

Cử nhân Quản lý Kinh doanh

cho ..... *Cao Xuân Hoài* .....

sinh ngày *05-08-1972* tại *Nghệ An* .....

Hà Nội ... ngày *10* tháng *10* ... năm *2002* ...

Số hiệu bằng

B 0205815

Số vào sổ

1497/BT98

Chữ ký của người được cấp bằng

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

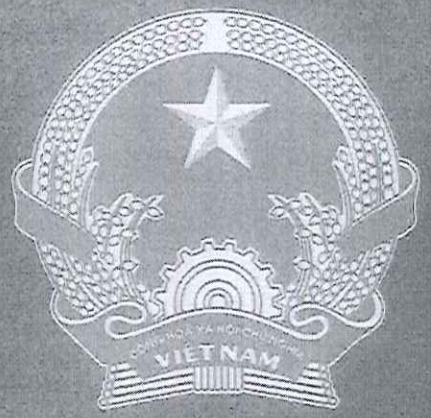
GS. *Trần Phương*

ĐẠI HỌC DÂN LẬP QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH HÀ NỘI

CHỨNG NHẬN
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CC: 075023 Ngày: 17 11 2004
Quyển :7 TP/CC-SCC/SGT

CÔNG CHỨNG VIÊN
ĐỖ HÀ HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF
THE DIPLOMATIC ACADEMY OF VIETNAM

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

INTERNATIONAL ECONOMICS

Upon: *Mr Nguyen Duc Kieu*

Date of birth: **18 March 1991**

Year of graduation: **2017**

Degree classification: **Ordinary**

Mode of study: **Full-time**

Reg. No: 093

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ

Cho: *Ông Nguyễn Đức Kiều*

Ngày sinh: **18/3/1991**

Năm tốt nghiệp: **2017**

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017

GIÁM ĐỐC

PGS. TS. NGUYỄN VŨ TÙNG

Số hiệu: 1203295

Số vào sổ cấp bằng: 093

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng, hệ đào tạo ban hành theo quyết định số 1981/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC



hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

ngành: *Quản trị kinh doanh*

hạng: *TB khá* năm tốt nghiệp: *2009*

và công nhận danh hiệu

CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH

cho: *Hà Huy Lâm*

sinh ngày: *01-06-1987* tại: *Hà Tây*

Hà Nội, ngày *29* tháng *6* năm *2009*

Số hiệu bằng: A 311501

Số vào sổ: *1857 - 41/13*

Chữ ký của người được cấp bằng

Hiệu trưởng

ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

GS.TS. Nguyễn Bách Khoa

Khoa trưởng

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR

OF VIETNAM UNIVERSITY OF COMMERCE

confers

THE DEGREE OF BACHELOR

Upon: (Mr, Ms) *Hà Huy Lâm*

Born on: 1st June 1987

Major in: Accounting

Ranking: Average

Mode of study: Official

Serial number: *00311772*

Reference number: *440-SB/12M*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Cho: *Hà Huy Lâm*

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 01/06/1987

Ngành đào tạo: Kế toán

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2011

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

GS. TS. Đinh Văn Sơn

Số hiệu: 00311772

Số vào sổ cấp bằng: *440-SB/12M*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

PRESIDENT OF HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES - INFORMATION TECHNOLOGY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

Business Administration

Upon: **Mr. DOAN DANG LUONG**

Date of birth: 28 August 1989

Year of graduation: 2012

Degree classification: Average good

Mode of study: Full-time

Ho Chi Minh City, 29 October 2012

Reg. No:1120120376

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Cho: **Ông Đoàn Đăng Lương**

Ngày sinh: 28/08/1989

Năm tốt nghiệp: 2012

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

Tp. Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 10 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-TIN HỌC TP.HỒ CHÍ MINH

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Ngọc Thọ

Số hiệu: 295168

Số vào sổ cấp bằng:1120120376

Scanned by CamScanner

VCCI

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - VCCI
VIỆN TIN HỌC DOANH NGHIỆP - ITB

CHỨNG NHẬN

Ông (Bà): **ĐOÀN ĐĂNG LƯƠNG**

Đơn vị công tác:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

Đã hoàn thành chương trình đào tạo:

"HƯỚNG DẪN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN HẢI QUAN THEO CÁC LOẠI HÌNH CỤ THỂ"

Học Online, Ngày 4-5/3/2022

KT VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TIN HỌC DOANH NGHIỆP

NGUYỄN NGỌC KHIÊM

Số CC: 44 /ITB-VCCI
Ngày cấp: 7/3/2022

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN TP. HÀ NỘI



Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Số : 250/2015/KHQ-HN
Ngày 10 tháng 5 năm 2016

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

- Căn cứ Quyết định số 3694/QĐ-TCHQ ngày 13/11/2015 về việc thành lập Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan năm 2015;
- Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-HĐNVKHQ ngày 28/4/2016 của Chủ tịch Hội đồng thi cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan công nhận kết quả thi năm 2015 tổ chức tại TP. Hà Nội

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN TP. HÀ NỘI

- Cấp cho ông (bà): **Đoàn Đăng Lương**
- Sinh ngày: 28/08/1989
- Hộ khẩu thường trú: Hà Nội

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2016
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN TP. HÀ NỘI
PHÓ CỤC TRƯỞNG
HẢI QUAN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KÝ THAY CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Văn Hồng

PHẦN 3 : HỢP ĐỒNG DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

Contract No. KWJ-VA2-ONSHORE-30032022

LOGISTICS SERVICE CONTRACT

FOR

VUNG ANG 2 BOT THERMAL POWER PLANT PROJECT

30 – March – 2022

BETWEEN

PARTY A : BRANCH OF KWANGJIN VIETNAM CO., LTD IN DUNG QUAT

Add: Eastern Industrial Park of Dung Quat Economic Zone, Binh Thuan Commune, Binh Son District, Quang Ngai Province, Viet Nam
Account No.(VND): 027 100 1090 299 - Vietcombank, Quang Ngai Branch
Tax Code: 0313065527-001

Represented by: **Mr. Lee Chang Wook** Position: General Director

AND

PARTY B : VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION

Add: P15, D2 Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh city, Viet Nam
Account No.(VND): 053 100 2501 430 - Vietcombank, East Sai Gon Branch
Tax Code: 0313306028

Represented by: **Mr. Tran Nguyen Giap** Position: Director

STRUCTURE

Article 1	Definitions
Article 2	Scope of Service
Article 3	Cargo volume and service price
Article 4	Payment
Article 5	Request for Transportation
Article 6	Port handling
Article 7	Customs Clearance
Article 8	Inland transportation
Article 9	Unloading
Article 10	Validity
Article 11	Compensation for damages
Article 12	Termination
Article 13	Detention Fee / Demurrage fee/ Storage Fee
Article 14	Force Majeure
Article 15	Confidentiality
Article 16	EHS Requirements
Article 17	Governing Law and Jurisdiction
Article 18	Insurance
Article 19	On-shore Management
Article 20	Miscellaneous

THIS TRANSPORTATION SERVICE AGREEMENT ("Agreement") is made and entered into as of by and between Branch of Kwangjin Vietnam Co., Ltd in Dung Quat (Here in after "Party A") and Vietnam Global transport corporation (Here in after "Party B")

WHEREAS:

Party A will supply and deliver the plant, materials, equipment and related services for Vung Ang 2 Thermal Power Plant Project ("Project")

Party B will deliver the plant, materials, equipment and related services for Vung Ang 2 Thermal Power Plant Project ("Project") as nominated by Doosan Van Phong 1 Site

NOW, THEREFORE, in consideration of the mutual covenants and promises contained herein, both Parties agree as follows:

Article 1 Definitions

In this agreement, the following words and expressions described shall have the following meanings:

1. "Cargo" shall mean the equipment and materials to be delivered from Port of Discharge to the Job Site in the manner to be instructed by Party A to Party B. Cargo consists of General Cargo, O.D.W.C (Over Dimension & Weight Cargo), Heavy Material.
2. "Destination" shall mean the place nominated by Doosan such as Laydown area and Erection Area.
3. "Plant" shall mean Vung Ang 2 Thermal Power Plant to be constructed by Doosan in Vietnam.
4. "Port of Discharge" shall mean the ports in Vietnam that Cargo is imported to such as Vung Ang port etc. in Vietnam.
    a) In case of Party A's special request and the occurrence of an emergency situation in custom clearance, transportation, port, etc. the Parties may agree to designate other ports as a port of discharge through mutual discussions and negotiations.
    b) In case of Party B's request, other ports can be designated only with Doosan's approval.
5. "Job Site" shall mean the land where the construction work for the project is to be carried out and the working areas adjacent thereto.
   Address: Vung Ang 2 Thermal Power Plant Site, Vung Ang Economic zone, Ky Loi commune, Ky Anh town, Ha Tinh province, Vietnam
6. "Jetty" shall mean the temporary structure at job site for delivery of cargo.
7. "Scope of Service" shall mean any services as described in Article 2. (Scope of Service) to be performed by Sub-Contractor hereunder.
8. "Service price" has the meaning assigned to it in Article 3. (Service Price).
9. "Working day" shall mean a day on which commercial banks are open for business in Vietnam and which is not Saturday or Sunday.
10. "Demurrage/ Detention charge" shall mean penalty charge at Shipping place/ Site beyond Free time.
11. "Free time" shall mean the time without working or/and free of charge standby at shipping place/ at Site
12. "Storage charge" shall mean expense for keeping cargo at transit port or other place.

13. "Delivery time" shall mean maximum time allowed by Party A to Party B in delivery cargo to Site.

Article 2 Scope of Service

1. Section & Conditions of Transportation: Port of Discharge → FOT at Job Site or Laydown Area based on DAP
2. Party B shall carry out the following Services to Party A and unloading Cargo at the Site shall be performed by Party A & Doosan.

   a. Cargo handling services at the Port of Discharge premises
   b. Management for Customs Clearance of the Cargo in Vietnam
   c. Inland transportation and coastal shipping of the Cargo from the Port of Discharge to the Destination
   d. Any others related services (such as transportation assistance, provision and examination of technical documents, works of export and re-import, etc.)

Article 3 Service price

1. Customs charge and port charge shall be rated in accordance with Appendix. 1
2. Inland transportation charge shall be rated in accordance with Appendix. 2.
3. Super Heavy cargo shall be related in accordance with Appendix. 3.
4. Party A and Party A hereby agrees that Freight rates incorporated within the Agreement shall be fixed for the duration of the required services and shall not be subject to escalation for increased cost of wages, fuel or for any other reason whatsoever.
5. Freight rates are the rate excluding VAT (Value Added Tax).

Article 4 Payment

1. 100% payment will be settled on actual quantity after the completion of transportation service requested in the relevant shipment. After completion of transportation, Party B shall submit to Party A with written statement for payment as per the service price rate agreed on Appendix 1, 2 and 3. Then, original invoices with below relevant supporting documents shall be issued by Part B to Party A. Each Payment request submitted by Party B shall be subjected to Party A's approval. When Party A finds that the invoice is correct in all aspects, Party A shall release the payment to Party B by the due date or after receiving from Doosan.

   a. Payment Invoice
   b. B/L or AWB copy
   c. Official Invoice under VAT format
   d. Original Proof of Delivery (signed by Doosan authorized VA2 manager)
   e. The receipt of all other third party charges (if any)
   f. History report of expense requested by Doosan & Party A.

2. Payment will be made by bank transfer within sixty days (60) after receipt of the invoice with all documents as mentioned on the above or after receiving from Doosan.

Article 5 Request for transportation

Party A will notify Party B of the following information prior to the Cargo arrival date at the Port of Discharge:

a. Mode of transportation
b. Name, weight and dimension of Cargo
c. Cargo volume by voyage (packing lists)
d. Required transportation schedules
e. Place of loading and Destination

Article 6 Port handling

1. Part A shall be responsible for all payments and charges incurred at the Port of Discharge and shipping lines' charges for all cargo, and in case of Party A's request, Party B shall pay for those charges on behalf of Party A. Party A shall transfer amount of port charges and shipping lines charge to party B within 10 (ten) days after receiving cargo.
2. Party B, on behalf of Party A, shall pay for all of charges incurred at the Port of Discharge and shipping lines' charges for all cargo except for any charge incurred by fault or omission to act by Party A, it shall be discussed.

Article 7 Customs Clearance

1. The Customs Clearance charge has been indicated in Appendix. 1.
2. Doosan & Party A will provide the copies of all the relevant documents required for customs clearance after sailing from Port of Loading. Party B shall collect and affirm the documents required for the clearance in advance and inform Party A of the items that may need supplementations or corrections upon receiving relevant Cargo documents from Doosan & Party A.
3. Party B shall prepare all necessary documents for customs clearance in the format acceptable to the customs authorities, and submit all documents to the relevant authorities to receive the relevant stamps, authorization, import permit, etc. for clearance and cargo release.
4. In the event that any expenses including the ports storage charges are incurred or penalties are imposed by the customs due to Party B's delay of its Services or negligence, Party B shall bear the entire expenses or penalties unless Party B proves that such delay was not attributable to Party B.
5. Party B shall update customs clearance status in detail in the reporting form on a daily basis.
6. Party B shall inform Party A immediately of any charge, update or revision of customs clearance policy and regulation in Vietnam.
7. Party A request works for Duty exemption and Sub-Contractor shall carry out supporting management of master list such as approval and amending process which is to be performed by Project Owner and Doosan.
8. Party B shall promptly notify Party A in writing of the customs duty payable on the Cargo (if incurred). Doosan will pay the import duty in order for Party B to precede the inland transportation in a timely manner. Party B shall submit the customs entry copy and relevant receipt to Doosan & Party A for payment after the completion of customs clearance and transportation.

Article 8 Inland Transportation

1. Inland freight of Container, Bulk Cargo, O.D.W.C and Heavy Cargo have been indicated in Appendix. 2 & 3.
2. The transportation charge is inclusive of all expenses of trucking charge, necessary permits for transportation, escort, toll fee, packing fee, removal obstacles and civil works, barge cost, lashing/securing/sea fastening/dunnage, hirage/mob/demob of handling equipment (Crane, trailer, SPMT, stool, support) etc.

3. Party B shall obtain necessary permits to deliver the Cargo which is within the limitation of land transportation guaranteed by Sub-Contractor.
4. Party B shall deliver the Cargo to the job site ASAP after completion of customs clearance and secure the proof of delivery with details (Pkg No. / Container No. / Trailer type / delivery date etc.), apparent condition signature (or stamp) of acceptance from Doosan at Job site.
5. The supporting beams and stools for the receipt and storage of the Cargo if required, shall be supplied by Party B as free of charge for thirty (30) days (at Discharging port).
6. Party B shall examine transport route and mode for O.D.W.C and Heavy Cargo to determine their suitability and report transportation course and progress of delivery to Party A.
7. Party B shall provide appropriate securing and lashing, protecting and laying dunnage under cargo for safe inland transportation and easy handling at destination.
8. Party B shall update the cargo delivery status report on a daily basic so that Party A can check progress of the services.
9. In case of container shipment, the Cargo shall be transported in condition of container. If devanning of container occurs prior to the transportation as per request of Party A, transportation of such cargo shall be settled as per contract.
10. Party B shall deliver the Cargo to destination within the specified schedule herein. Party B shall choose the most appropriate transportation route for the cargo and make all reasonable efforts to minimize the risk and deliver the cargo in a timely manner.
11. Party B shall obtain a prior written consent of Party A regarding any changes to transportation methods agreed mutually. In the event that Party B changes transportation method without approval from Party A, any additional costs or expenses which may incur shall be borne by Party B.

Article 9 Unloading

1. Unloading from the trailers/trucks at job site by Doosan will be made during working hours in working days and will be completed within free time. Party B shall provide trucks/trailers arrived at job site before regular working hours start up.
2. Party B shall in advance notify Party A its estimated arrival date prior to the Cargo's arrival with quantity of cargo's condition according to packing list provided by Doosan & Party A, the number of registered trucks/trailers and remarks in the cargo if any, so that Doosan may sufficiently prepare itself for unloading thereof.
3. In the event that any delay in the schedule is anticipated, Party B shall notify Doosan & Party A ASAP the estimated arrival time/date at the job site so that Doosan & Party A will be able to make any necessary arrangements.
4. In case of O.D.W.C cargo, any standby charges of the unloading equipment prepared by Doosan shall be paid by Party B, if such standby charge is incurred as a result of Party B's failure to notice the estimated arrival time/date in a timely manner.
5. In case transportation is made without prior delivery notice and approval from Doosan & Party A in advance, any equipment waiting charge shall be borne by Party B.
6. The civil works (removal & restoration of obstacle, road compaction, bridge reinforcement and strengthen, etc.) outside the job site for transportation is Party B's scope of work. The civil works inside the job site for transportation is Doosan's scope of work. But the civil work inside the job site, if required for transportation, shall be checked and informed in advance to Doosan & Party A by Party B if reasonably necessary for transportation within the job site.
7. Proper safety measures shall be implemented by Party B to prevent any accidents. Weather condition and on-going work shall be monitored by Party B to maintain safe access and passage for all related personnel working within the job site.
8. Party B should comply with Doosan's EHS Manual provided by Doosan & Party A, and follow the regulation instructed by Doosan site manager, and nominate Party B's safety manager to follow the Doosan EHS activity.

Article 10 Validity

This Agreement shall come into effect upon signing by both Parties and valid till completion of the Works for Contract unless otherwise stated in Contract.

Article 11 Compensation for damages

1. Party B shall immediately notify Party A of any property damage or bodily injury to Doosan & Party A or a third party as a result of any accident (including damage, theft, destruction of cargo) during the performance of its transportation services, and shall discuss Party A for compensating Doosan.
2. Provided that an accident is caused by force majeure events, such compensation may be exempted.

Article 12 Termination

1. In case of negligence or breach of Agreement by Party B, Party A will order corrective action or measures to Party B. Party A shall have the right to terminate the whole or part of Agreement, if such corrective action or measures are not performed by Party B within five (5) days after Party A's order. In the event of any loss or damage caused by termination, Party B shall compensate it to Party A.
2. Even if this Agreement is terminated, Party B shall extend its best support, cooperation, and assistance to the third party designated by Party A who will take over and complete the transportation service. Party B shall compensate, within the period designated by Party A, any costs and expenses incurred to Party A caused by Party B.
3. Party A, without prejudice to any other rights or remedies it may possess, may terminate the Agreement forthwith in the following circumstances by giving a notice of termination and its reasons therefor to Party B :
   (a) If Party B becomes bankrupt or insolvent, has a receiving order issued against it, or, of Party B is a corporation, a resolution is passed or an order is made for its winding up, or a receiver is appointed over any part of its undertaking or assets;
   (b) If Party B has abandoned or repudiated this Agreement;
   (c) If Party B has without valid reason failed to commence the Services or has suspended the progress of the Agreement's performance; or
   (d) If Party B has without valid reason failed to commence the Services in accordance with the Agreement or persistently neglect to carry out its obligations under the Agreement without justifiable cause.

Article 13 Detention Fee / Demurrage fee/ Storage Fee

1. The Both parties shall make best support and assistance to each other to prevent demurrage and detention. In case of that storage place at Van Phong 1 site is not available, Both party are to be discussed
2. All detention fee or storage fee for above section shall be confirmed through mutual agreement between two Parties. The date for detention or storage shall be counted from the date arising fee and shall be borne by causing party.
3. Detention fee/ Demurrage fee (Storage fee) is charged at Cost based on current price, which is calculated according to 3rd Party's Tariff.

Article 14 Force Majeure

1. "Force Majeure" means an exceptional event or circumstance:
   a) which is beyond a Party's control
   b) which such Party could not reasonably have provided against before entering into the Contract,
   c)which, having arisen, such party could not reasonably have avoided or overcome, and
   d) which is not substantially attributable to the other Party.
2. Force Majeure may include but is not limited to exceptional events or circumstances of the kind listed below, so long as conditions (a) to (d) above are satisfied:
   a) war, hostilities (whether war be declared or not), invasion, act of foreign enemies.
   b) rebellion, terrorism, revolution, insurrection, military or usurped power, or civil war,
   c) riot, commotion, disorder, strike or lockout by persons other than the Sub-Contractor's Personnel and other employees of the Sub-Contractor.
   d) munitions of war, explosive materials, ionizing radiation or contamination by radio-activity, except as may attributable to the Sub-Contractor's use of such monitions, explosives, radiation or radio-activity, and
   e) natural catastrophes such as earthquake, hurricane, typhoon or volcanic activity.
3. If a party is or will be prevented from performing any of its obligations under the Agreement by Force Majeure, then it shall give notice to the other Party of event or circumstance constituting the Force Majeure and shall specify the obligations, the performance of which is or will be prevented.

Article 15 Confidentiality

1. Party B shall keep the Confidential Information received from Doosan & Party A in secrecy and confidence with the same degree of care as Sub-Contractor is obligated to exercise with regard to its own Confidential Information, in all events no less than reasonable care for the period of five (5) years after the termination of the Agreement.
2. Party B shall not use the Confidential Information for any reason or purpose other than to perform its obligations under this Agreement: provide that it may disclose any of such Confidential Information to directors, officers, employees, affiliates, agents or other representatives of Party B ("Sub-Contractor's Representatives") who require such information for the purpose of performing Party B 's obligations under this Agreement (it being understood that any such Sub-Contractor's Representatives shall be informed by Party B of the confidential nature of the Confidential Information and shall be directed by Party B to treat the Confidential Information confidentially). Party B shall be responsible for any breach of this Clause by any of such Sub-Contractor's Representatives.
3. All matters associated with the execution of this Agreement and the contractual relationship between the Parties shall be handled by Party B in strictest confidentiality and shall in no circumstances be disclosed to third parties without prior written consent of Doosan & Party A.

Article 16 EHS Requirements

1. Party B shall fully follow the EHS (Environmental, Health & Safety) regulation instructed by Doosan and Job site.
2. Party B shall plan, organize and perform the Services so that all EHS requirements are complied with during the performance of its transportation services. Party B shall prepare and implement a suitable and effective EHS program and EHS plan taking into account the requirements of Doosan EHS Regulation. EHS Risk assessment/ analysis shall be performance of their own respective employees and additional subcontractors with regards to the EHS requirements.

Article 17 Governing Law and Jurisdiction

1. This Agreement shall be governed by and construed in accordance with the laws of the Social Republic of Vietnam. Any and all disputes, differences, claims or controversies between the Parties arising out of or relating to this Agreement, or for any breach thereof ("Dispute") shall be amicably settle by mutual negotiation between the Parties.
2. Should the Parties hereto fail to settle the Dispute amicably within thirty (30) days, such Dispute shall be finally settled by arbitration in accordance with the following rules and place.
3. The arbitration shall take place in Hanoi Court, Viet Nam, and shall be conducted in accordance with the Commercial Arbitration Rules of the Vietnam Commercial Arbitration Board and under the laws and regulations of the Socialist Republic of Vietnam. The arbitration shall be conducted in the Vietnam Language and all documents submitted in connection with such proceeding shall be in the Vietnam or, if in another language, accompanied by a certified translation.
4. From the date the Dispute arises up to the date of settlement of the matter in question by arbitration, Doosan's good faith interpretation shall prevail and Party B shall comply with Doosan's good faith interpretation and shall continue to fulfill its obligations under the Agreement in good faith during the pendency of any arbitration and shall not be entitled to suspend or cease the fulfillment of its contractual obligations. The arbitration decision shall be final and irrevocable and the Parties hereto expressly and unreservedly agree to be bound thereby.

Article 18 Insurance

1. Necessary insurance cover for all transported Cargo shall be taken by the Doosan to cover all the risks from Shipping Place to Vung Ang 2 site for transit as well as storage risk.
2. In case the Cargoes are received in a damaged condition or the Cargo gets damaged, Party B shall coordinate or cooperate with Doosan & Party A in preparing insurance formalities, and insurance survey etc. Party B shall immediately inform Doosan & Party A of occurrence of any physical damage, breakage and/or loss to the Cargo, and shall be obliged to make report of any loss or damage of the Cargo with priority and prepare the necessary documents for insurance claim settlement.
3. If Party B fails to effect or implement Scope of Service caused by rejection from insurance representatives. Both parties shall be discussed it.

Article 19 On-shore Management

Party B shall be under the control/management of 3rd party authority nominated and delegated by Party A in performing upon this Agreement.

Article 20 Miscellaneous

1. This Agreement, which includes the appendixes thereto, contains the entire understanding of the parties with respect to the subject matter hereof. This Agreement supersedes all prior agreements and understandings, both written and oral, between the Parties with respect to the subject matter hereof. This Agreement shall be bidding upon and shall inure to the benefit of the Parties hereto and their respective successors.
2. All notices to be given under this Agreement shall be made writing and sent to by the person to person or by the mail or by e-mail or by fax, and shall be deemed received on actual receipt.
3. This Agreement is made into two (02) originals and each Party shall retain one (01) original.

4. IN WITNESS WHEREOF, each of Party A and or has caused this Agreement to be executed by its duly authorized representative as of the date first above written.

On Behalf of Party A

Kwangjin Vietnam Co.,Ltd

Mr. Lee Chang Wook

General Director

On Behalf of Part B

Vietnam Global Transport Corporation

Mr. Tran Nguyen Giap

Director

[APPENDIX]

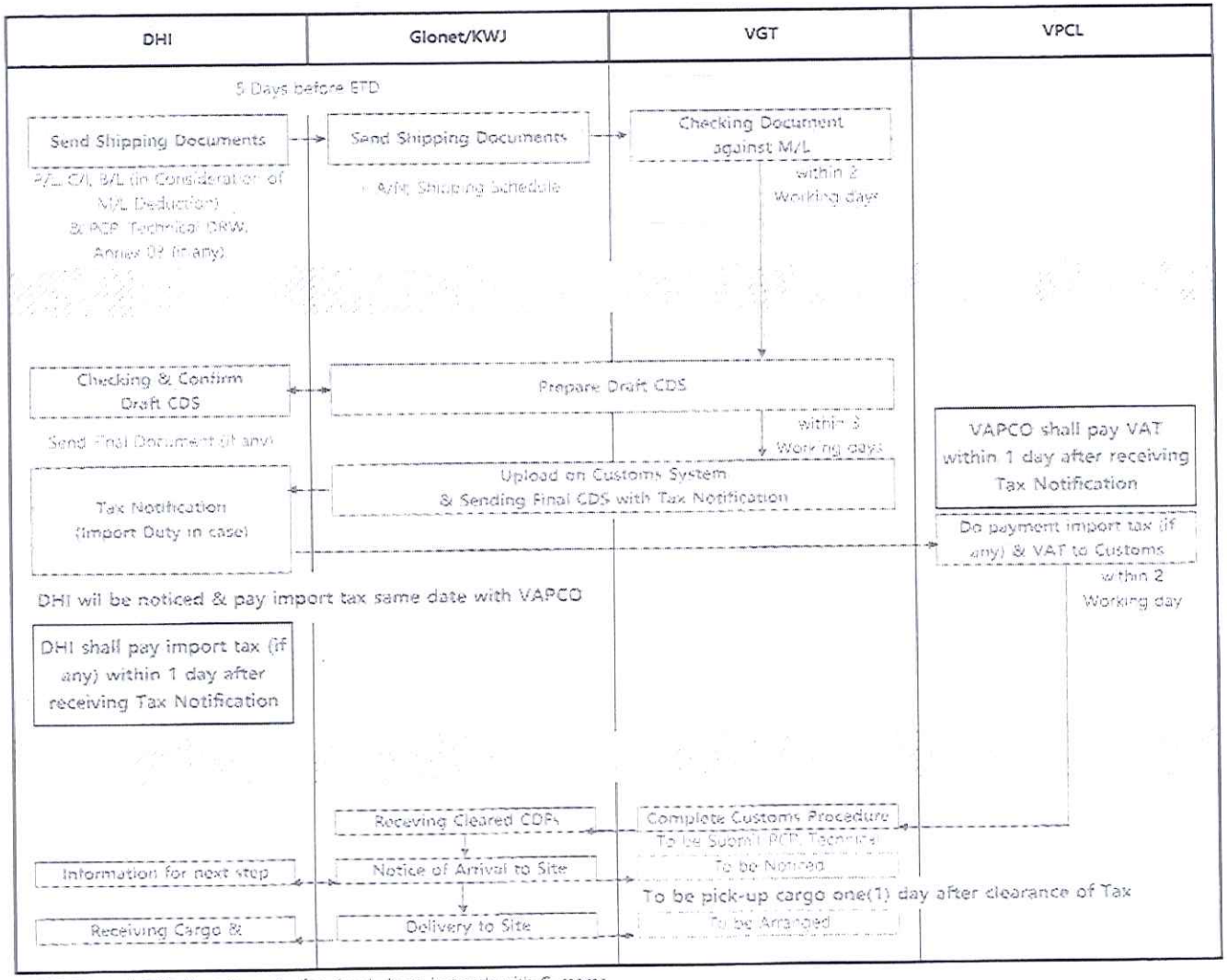
Appendix 1. Customs Clearance

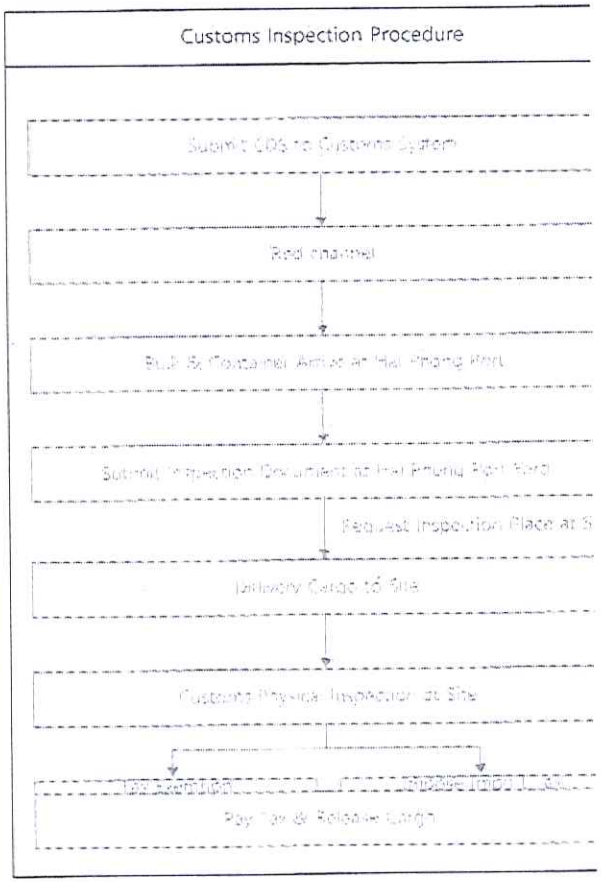
Appendix 2. Inland Transportation Charge

Appendix. 3. Super Heavy cargo

Appendix. 4. Flow Chart of C.C & Delivery Flow Chart

Flow Chart of Customs Procedure and Delivery Cargo





* VGT Dispatch 3 Staffs at Vung An for closely keep in touch with Customs

SUBCONTRACT AGREEMENT

Of

Trucking Service

(On-Shore_Truck Part)

For

Quang Trach I Thermal Power Plant Project
(Subcontract No.: VEQU-LOG-PRJ-PO-001 FOR STEEL STRUCTURE)

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ DỊCH VỤ VẬN TẢI
(Phần vận tải nội địa)
Cho
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I
(Số hợp đồng thầu phụ : VEQU-LOG-PRJ-PO-001 cho kết cấu thép)

Between

VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

VS

MC-HDEC-CC1 CONSORTIUM

LIÊN DANH MC-HDEC-CC1

TABLE OF CONTENTS / MỤC LỤC

1. PURPOSE / Mục đích 3
2. EFFECTIVE DATE / Ngày hiệu lực 4
3. DEFINITIONS / Các định nghĩa 4
4. SUBCONTRACT DOCUMENTATION / Tài liệu hợp đồng thầu phụ 7
5. GENERAL REQUIREMENT / Yêu cầu chung 8
6. SUBCONTRACT PRICE / Giá thầu phụ 9
7. SCOPE OF WORK / Phạm vi công việc 12
8. INVOICING AND PAYMENT TERMS / Hóa đơn và điều khoản thanh toán 16
9. LIQUIDATED DAMAGE / Thỏa thuận về thiệt hại ước tính 18
10. CLAIM / Khiếu nại 19
11. SUSPENSION/TERMINATION / Điều khoản tạm ngừng / chấm dứt 19
12. FORCE MAJEURE / Điều khoản bất khả kháng 21
13. INDEMNIFICATION / Bồi thường 22
14. GOVERNING LAW & DISPUTE RESOLUTION / Áp dụng luật & xử lý thanh chấp 22
15. CONFIDENTIALITY / Điều khoản bí mật 23
16. SAFETY / An toàn 23
17. SPECIAL TERMS AND CONDITIONS / Các điều khoản đặt biệt và các điều kiện 23

THIS CONTRACT IS MADE ON THE 23TH DAY OF MARCH, 2023 BY AND BETWEEN:

HỢP ĐỒNG NÀY ĐƯỢC LẬP VÀO NGÀY 23/03/2023 GIỮA

(1) Consortium of MC,HDEC and CC1 license Number : 58/2021/QĐ-HDXD) a foreign contractor and existing under the laws of Socialist Rebublic of Vietnam and having his principal place of business at Vinh Son Vilage, Quang Dong Ward, Quang Trach District, Quang Binh, Vietnam (hereinafter called "the CONTRACTOR") of the one part and

Liên danh MC,HDEC và CC1 theo Giấy phép hoạt động số : 58/2021/QĐ-HĐXD một nhà thầu nước ngoài hoạt động theo luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trụ sở kinh doanh chính tại thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng đông, huyện Quảng Trạch, Quảng Bình, Việt Nam (Sau đây gọi là "NHÀ THẦU")

(2) VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION (Corporation Registration Number: 0313306028) a company organized and existing under the laws of Socialist Rebublic of Vietnam and having his principal place of business at P15, D2 street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh city, Vietnam (hereinafter called the "SUBCONTRACTOR") of the other part.

Công ty Cổ Phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam (Số ĐKKD: 0313306028) là công ty được tổ chức và hoạt động theo phát luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trụ sở chính tại P.15, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam (sau đây gọi là "NHÀ THẦU PHỤ").

Now therefore, the PARTIES agree as follows :
Hai bên cùng thống nhất các nội dung sau đây :

1. PURPOSE / MỰC ĐÍCH

SUBCONTRACT shall be liable for carrying out of the Freight Management and Trucking Service to the satisfaction of the CONTRACTOR according to the terms and conditions until the completion of 18.1 SUBCONTRACT PERIOD.

EFECTIVE DATE This SUBCONTRAC shall set the terms and conditions for the implementation of the Freight Management and Trucking Services (Steel structure _From Hai Phong and Binh Duong to SITE) in connection with the PROJECT.

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ có trách nhiệm tiến hành việc Quản lý Vận tải và Dịch vụ Vận tải theo sự thỏa mãn của NHÀ THẦU dựa theo các điều khoản và các điều kiện cho đến khi hoàn thành GIAI ĐOẠN HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ 18.1

NGÀY HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ này sẽ thiết lập các điều khoản và các điều kiện cho việc thực hiện việc Quản lý Vận tải và Dịch vụ Vận Tải (Kết cấu thép – Từ Hải Phòng và Bình Dương tới CÔNG TRƯỜNG) liên quan đến DỰ ÁN

2. EFFECTIVE DATE / NGÀY HIỆU LỰC

This SUBCONTRACT shall be effective from the date that is indicated on the Letter of Award to the SUBCONTRACTOR. In case of absence of the Letter of Award, this SUBCONTRACT shall be effective from the date on which CONTRACTOR and the SUBCONTRACTOR have signed this AGREEMENT (hereinafter called the "EFFECTIVE DATE").

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày được chỉ ra trên Thư thông báo trúng thầu gửi tới NHÀ THẦU PHỤ Trong trường hợp không có Thư thông báo Trúng thầu, HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày NHÀ THẦU và NHÀ THẦU PHỤ ký HỢP ĐỒNG (sau đây được gọi là "NGÀY HIỆU LỰC")

3. DEFINITIONS / CÁC ĐỊNH NGHĨA

In this SUBCONTRACT, as hereinafter defined, the following words and expressions shall have the meanings hereby assigned to them, except where the context otherwise requires.

Trong HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ này, các từ ngữ và các diễn đạt sau đây sẽ mang ý nghĩa như được ấn định sau đây cho chúng, ngoại trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác.

3.1 "AGREEMENT" or "SUBCONTRACT" means this form of agreement, and the other documents refer to in 4.1 SUBCONTRACT DOCUMENTS of this agreement, comprising the SUBCONTRACT DOCUMENTS and any other documents that may subsequently be issued by CONTRACTOR as intending to be incorporated in and form part of the SUBCONTRACT DOCUMENTS.

"THỎA THUẬN" hoặc "HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ" mang ý nghĩa là hình thức của hợp đồng, và các tài liệu khác nhắc đến trong mục 4.1 HỒ SƠ HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ của hợp đồng này, bao gồm HỒ SƠ HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ và bất kỳ các tài liệu khác mà sau đó được xuất bản bởi NHÀ THẦU với ý định được đưa và và tạo thành một phần của HỒ SƠ HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ.

3.2 "APPROVAL" or "APPROVED" means approval in writing by CONTRACTOR.

"PHÊ DUYỆT" hoặc "ĐƯỢC PHÊ DUYỆT" có nghĩa là sự phê duyệt bằng văn bản bởi NHÀ THẦU.

3.3 "CARGO(ES) means all materials, machinery and equipment to be delivered to the SITE and the objectives of SUBCONTRACT WORKS.

"HÀNG HÓA" là tất cả các nguyên liệu, máy móc và thiết bị được vận chuyển tới CÔNG TRƯỜNG và các mục tiêu của CÔNG TRÌNH HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ.

3.4 "CONTRACTOR" means **Consortium of MC,HDEC and CC1 Construction** and

of business at **at Vinh Son Vilage, Quang Dong Ward, Quang Trach District, Quang Binh, Vietnam (hereinafter called "the CONTRACTOR") of the one part.**

"NHÀ THẦU" có nghĩa là Liên danh MC-HDEC-CC1 đang hoạt động theo luật pháp của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và có trụ sở kinh doanh chính tại thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, Quảng Bình, Việt nam(sau đây được gọi là "NHÀ THẦU" của một bên.

3.5 "DAY" means a Gregorian calendar day, "WEEK" means a Gregorian calendar week and "MONTH" means a Gregorian calendar month.

"NGÀY" được hiểu là ngày Dương lịch "TUẦN" là tuần Dương lịch và "THÁNG" là tháng Dương lịch

3.6 "MAIN CONTRACT" means the contract agreed between the COMPANY and the CONTRACTOR for Quang Trach Thermal Power Plant Project of Vietnam

"HỢP ĐỒNG CHÍNH" được hiểu là hợp đồng được đồng ý giữa CÔNG TY và NHÀ THẦU cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch của Việt Nam

3.7 "MAIN WORKS" means the works as defined by the MAIN CONTRACT for the PROJECT.

"CÔNG VIỆC CHÍNH" được hiểu là các công việc được xác định bởi HỢP ĐỒNG CHÍNH cho DỰ ÁN

3.8 "PARTY" or "PARTIES" means the CONTRACTOR or/and SUBCONTRACTOR as the case may be as the parties to this agreement.

"BÊN" hoặc "CÁC BÊN" được hiểu là NHÀ THẦU hoặc/và NHÀ THẦU PHỤ tùy từng trường hợp các bên trong hợp đồng này.

3.9 "PROJECT" means, Quang Trach Thermal Power Plant Project of Vietnam also defined as the MAIN WORKS or MAIN CONTRACT.

"DỰ ÁN" được hiểu là, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch của Việt nam hay còn được hiểu là CÔNG TRÌNH CHÍNH hoặc HỢP ĐỒNG CHÍNH.

3.10 "SITE" means the areas and any other land and place provided by COMPANY for MAIN WORKS.

"CÔNG TRƯỜNG" được hiểu là các khu vực và bất kỳ khu đất và địa điểm nào khác được cung cấp bởi CÔNG TY cho CÔNG TRÌNH CHÍNH.

3.11 "SUBCONTRACTOR" means the company named in the SUBCONTRACT AGREEMENT who is contracted to undertake and complete the SUBCONTRACT

and sub-vendors.

"NHÀ THẦU PHỤ" được hiểu là công ty đã có tên trong HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ được ký hợp đồng đảm nhận và hoàn thành CÁC CÔNG VIỆC THẦU PHỤ theo HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ và bao gồm các nhà thầu phụ và các nhà cung cấp phụ

3.12 "sub-contractor" means a sub-contractor / sub-supplier / sub-vendor / service provider of the SUBCONTRACTOR as a PARTY of this SUBCONTRACT.

"Nhà thầu phụ" được hiểu là một nhà thầu phụ/nhà cung cấp phụ/ bên bán hàng/nhà cung cấp dịch vụ của NHÀ THẦU PHỤ có tư cách là một BÊN của HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ này.

3.13 "SUBCONTRACT WORKS" or the "WORKS" means all work and services to be undertaken and performed by the SUBCONTRACTOR.

"CÁC CÔNG VIỆC CỦA HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ" hoặc CÁC CÔNG VIỆC" được hiểu là tất cả công việc và các dịch vụ do NHÀ THẦU PHỤ đảm nhận và thực hiện.

3.14 TRANSPORTATION EQUIPMENT means not only instruments or devices that enable a CARGO to be moved from one place to another such as carrying lifting equipment, and trucking vehicle etc., but also material for protection from any damage including slings, rigging, shackles, sea fstening material.

THIẾT BỊ VẬN CHUYỂN không chỉ có nghĩa là các dụng cụ hoặc thiết bị cho phép di chuyển HÀNG HÓA từ nơi này đến nơi khác chẳng hạn như thiết bị nâng, và phương tiện vận tải, v.v., mà còn là vật liệu để bảo bệ khỏi mọi thiết hại bao gồm cáp treo, dây treo, móc nối, xích chằng hàng đường biển.

3.15 "VENDOR" means the company or person identified in the Purchase Order as the primary supplier of the goods or CARGO(ES).

"NHÀ CUNG CẤP" có nghĩa là công ty hoặc các nhân được xác định trong Đơn đặt hàng là nhà cung cấp chính của HÀNG HÓA.

4. SUBCONTRACT DOCUMENTATION / HỒ SƠ HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ

4.1 SUBCONTRACT DOCUMENTS / CÁC TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ

The SUBCONTRACT includes, in particular, the following full set of documents, which are listed :

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ này đặt biệt bao gồm toàn bộ đầy đủ các tài liệu được liệt kê dưới đây :

✓ SUBCONTRACT AGREEMENT (VEQU-LOG-PRJ-PO-001)

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ (VEQU-LOG-PRJ-PO-001)

Trường hợp chậm trễ vì lý do bất khả kháng trên 2 tháng. Nhà thầu có quyền chấm dứt HỢP ĐỒNG.

13. INDEMNIFICATION / BỒI THƯỜNG

The SUBCONTRACTOR shall indemnify and keep harmless the CONTRACTOR and the OWNER from and against all liability to others and all claims, causes of action and suits of others, including without limitation, employees, sub-contractors or agents of the CONTRACTOR and the OWNER, for personnel injury(including death) or property damage arising out of acts or omissions to act of employees, purchasers, or agents of the SUBCONTRACTOR arising out of breaches of this SUBCONTRACT resulting in defects in equipment, materials, or other items supplied to the CONTRACTOR pursuant to this SUBCONTRACT.

NHÀ THẦU PHỤ sẽ bồi thường và giữ cho NHÀ THẦU và CHỦ ĐẦU TƯ không bị thiệt hại từ và đối với mọi trách nhiệm pháp lý đối với người khác và tất cả các khiếu nại, lý do kiện tụng và các vụ kiện cáo của người khác, bao gồm nhưng không giới hạn, nhân viên, nhà thầu phụ hoặc đại lý của NHÀ THẦU và CHỦ ĐẦU TƯ, đối với thương tật về người (bao gồm cả tử vong) hoặc thiệt hại về tài sản phát sinh do các hành vi hoặc thiếu sót trong hành động của nhân viên, người mua hoặc đại lý của NHÀ THẦU PHỤ phát sinh do vi phạm HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ này dẫn đến các khiếm khuyết trong thiết bị, vật liệu hoặc các hạng mục khác được cung cấp cho NHÀ THẦU theo HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ này.

14. GOVERNING LAW & DISPUTE RESOLUTION / LUẬT ĐIỀU CHỈNH & XỬ LÝ TRANH CHẤP

This CONTRACT shall be governed by and construed in accordance with the laws of the Republic of Vietnam.

Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích bởi luật pháp của nước Việt nam.

In case of any dispute arising from or in connection with the implementation of the WORKS, the PARTIES shall try to reach an amicable settlement. Any dispute, which cannot be settled amicably, shall be finally settled by the Economic Arbitration of Vietnam in accordance with the Vietnam Laws for the time being in force, by one or more arbitrators. The language of the arbitration shall be English. The arbitral award shall be final and binding upon the PARTIES.

Bất kỳ tranh chấp nào giữa các bên phát sinh từ hoặc liên quan đến việc thực hiện CÔNG VIỆC, các bên sẽ giải quyết trước hết bằng thương lượng. Trong trường hợp không thể giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, Các Bên đồng ý đưa tranh chấp ra giải quyết tại cơ quan Trọng tài Kinh tế Việt Nam. Ngôn ngữ của quá trình trọng tài là tiếng Anh. Phán quyết của trọng tài sẽ là phán quyết cuối cùng và bắt ràng buộc CÁC BÊN.

15. CONFIDENTIALITY / BẢO MẬT

All terms & conditions related to the PROJECT and this CONTRACT shall be handled as confidential and not to be disclosed to others without prior APPROVAL from CONTRACTOR. SUBCONTRACTOR shall take all the appropriate measures to enforce this obligation also

Tất cả các điều khoản & điều kiện liên quan đến DỰ ÁN và HỢP ĐỒNG này sẽ được bảo mật và không được tiết lộ cho các bên khác mà không có SỰ PHÊ DUYỆT trước của NHÀ THẦU. NHÀ THẦU PHỤ sẽ thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp để thực thi nghĩa vụ này đối với nhà thầu phụ và nhân viên của mình.

16. SAFETY / AN TOÀN

In the event that SUBCONTRACTOR occupies any OWNER or CONTRACTOR property, or adjacent premises, SUBCONTRACTOR shall observe and comply with all security, safety, health monitoring and record keeping regulations of any governmental agency having jurisdiction and all fire prevention, security, health, safety and environmental policies and procedures, applicable oeprating and maintenance procedures, emergency response plans, OWNER and CONTRACTOR facility rules for the applicable work SITE, and on-SITE permit-to-work system prescribed by CONTRACTOR.

Trong trường hợp NHÀ THẦU PHỤ giữ bất kỳ tài sản nào của CHỦ ĐẦU TƯ hoặc NHÀ THẦU, hoặc các cơ sở lân cận, NHÀ THẦU PHỤ sẽ giám sát và tuân thủ tất cả các quy định về an ninh, an toàn, theo dõi sức khỏe và lưu trữ hồ sơ của bất kỳ cơ quan thẩm quyền nào và tất cả các thủ tục và chính sách về phòng cháy, an ninh, sức khỏe, an toàn và các chính sách và thủ tục về môi trường, quy trình bảo dưỡng và sửa chữa hiện hành , kế hoạch ứng phó khẩn cấp, các quy định về cơ sở vật chất của CHỦ ĐẦU TƯ và NHÀ THẦU cho công việc CÔNG TRƯỜNG hiện hành, và hệ thống giấy phép làm việc trên CÔNG TRƯỜNG do NHÀ THẦU quy định.

17. SPECIAL TERMS AND CONDITIONS /ĐIỀU KHOẢN ĐẶC BIỆT VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN

17.1 SUBCONTRACT PERIOD / THỜI GIAN HỢP ĐỒNG

This SUBCONTRACT shall be effective and bind both PARTIES for the following whole Project Execution Period . If necessary the period can be adjusted.

HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ này sẽ có hiệu lực và ràng buộc CÁC bên trong toàn bộ GIAI đoạn Thực hiện Dự án. Thời gian hợp đồng có thể được điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.

- ✓ Delivery Anchor Steel structure : 2023.03.25 ~ 2023.05.15

  Thời gian vận chuyển kết cấu thép : 25.03.2023 – 15.05.2023

17.2 LOADING PLACES / ĐỊA CHỈ LẤY HÀNG

- OSR, Vietnam. Address No. 55 Hanoi- Hai Phong high way, So Dau, Hong Bang ward, Hai Phong

  OSR Việt Nam địa chỉ tại Số 55 Đường Hà Nội - Hải Phòng, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

- UNISONHKR Vietnam. Address lot B-11A-CN, My Phuoc Industrial Zone, My Phuoc ward, Ben Cat town, Binh Duong

Phước , Thị Xã Bến Cát , Tỉnh Bình Dương

- VHE Engineering. Address lot CN4.4E Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai 2 ward, Hai An district, Hai Phong

  VHE Engineering địa chỉ tại Lô CN4.4E Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

- IHI INFRASTRUCTURE ASIA Address lot CN4.2A Dinh Vu Industrial Zone, Dinh Vu Economic Zone- Cat Hai, Dong Hai ward, Hai An district, Hai Phong

  IHI INFRASTRUCTURE ASIA địa chỉ tại Lô CN 4.2A, khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Địa điểm lấy hàng Km79 Lê Thiện, phường An Dương, thành phố Hải Phòng

17.3 DISCHARGING AREA / KHU VỰC DỠ HÀNG

Công trường dự án nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I, thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

17.4 CARGO CATEGORY – Categorization can be proposed by BIDDER.

DANH MỤC HÀNG HÓA – Sự phân loại có thể được đề xuất bởi NHÀ THẦU

✓ For On-Shore delivery (only for reference)
Đối với vận chuyển nội địa (Chỉ để tham khải)

✓ POD : OSR, HAI PHONG IN VIETNAM

TRANSPORTATION EQUIPMENT	CARGO DIMENSION & WEIGHT
NORMAL TRAILER	TRAILER *LENGTH : 12M, WIDTH : 2.4M, HEIGHT : 2.6M *ALLOWABLE CARGO LOAD(ACL) : UP TO 52.42M3 *ALLOWABLE CARGO WEIGHT : UP TO 32.50TON

✓ The limit of height is 4.35m from ground surface to highest point.
Chiều cao giới hạn là 4.35m tính từ mặt đất tới điểm cao nhất

✓ In case of oversize / overweight cargo out of Vietnam Transport Regulation, it should be consulted case by case.
Trường hợp chở hàng quá tải quá khổ ngoài Quy định vận tải Việt nam, cần tư vấn cụ thể từng trường hợp.

17.5 ORGANIZATION AND MANPOWER SUPPLY / TỔ CHỨC VÀ CUNG ỨNG NHÂN

SUBCONTRACTOR shall organize full dedicated Project Task Team integrated with ow n network and/or sub-contractor by constituting well experienced, skilled and highly m otivated staffs and assign Key Logistics Coordinator(s) under CONTRACTOR's APPRO V AL for the proper execution of WORKS.

NHÀ THẦU PHỤ sẽ tổ chức đầy đủ Đội ngũ thực hiên Dự án chuyên trách tích hợp với mạng lưới của mình hoặc/và nhà thầu phụ bằng cách thiết lập đội ngũ nhân vi ên có kinh nghiệm, có kỹ năng tốt và năng động cao và chỉ định người Điều phối v ận tải chính theo sự PHÊ DUYỆT của NHÀ THẦU để thực hiện CÔNG VIỆC phù h ợp.

This Key Logistics Coordinator(s) shall act as main coordinator responsible for all on-shore shipping coordination with VENDORs, carrier, and various CONTRACTOR's personnel, etc., for all necessary arrangement including CONTRACTOR's internal coordination in smooth timely safe on-shore shipments of all CARGO together in cost saving oriented idea with the careful consideration of further smooth onshore transportation activities, such as import customs operation(If necessary), cargo receiving and delivery controlling, etc. The SUBCONTRACTOR's Key Logistics Coordinator(s) shall assist CONTRACTOR's personnel in managing and controlling the overall shipping activity and shall work in accordance with instruction and under the direct supervision of CONTRACTOR's Logistics Team for all shipping documentation and coordination among all parties concerned for all onshore logistics activities.

Điều phối viên vận tải chính này sẽ đóng vai trờ là điều phối viên chính chịu trách nhiệm về tất cả các hoặt động phối hợp vận chuyển nội địa với Nhà cung cấp, người vận chuyển và các nhân viên khác của NHÀ THẦU, v.v. đối với moju sự sắp xếp cần thiết bao gồm điều phối nội bộ của NHÀ THẦU trong việc vận chuyển hàng nội địa an toàn kịp thời của tất cả HÀNG HÓA cùng với xu hướng tiết kiệm chi phí chẳng hạn như hoạt động hải quan nhập khẩu (nếu cần), kiểm soát nhận và giao hàng v.v. (Các) Điều phối viên vận tải chính của NHÀ THẦU PHỤ sẽ hỗ trợ nhân viên của NHÀ THẦU trong quản lý và kiểm soát hoạt dộng vận chuyển tổng thể và sẽ làm việc theo hướng dẫn và dưới sự giám sát trực tiếp của Đội vận tải của NHÀ THẦU đối với tất cả các tài liệu vận chuyển và sự phối hợp giữa tất cả các bên liên quan cho tất cả các hoạt động vận tải nội địa

IN WITNESS WHEREOF, both the CONTRACTOR and the SUBCONTRACTOR have caused this SUBCONTRACT to be executed in duplicate by their respective duly authorized representatives on the date written above. The language of this SUBCONTRAC shall be in English, Vietnamese is for reference.

Sau khi đã đọc hiểu nội dung trên, cả hai bên NHÀ THẦU và NHÀ THẦU PHỤ đã khiến HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ này được thực hiện thành 2 bản bởi các đại diện hợp pháp của họ kể từ ngày được viết ở trên. Hợp đồng này sử dụng tiếng anh làm ngôn ngữ chính, tiếng Việt làm ngôn ngữ tham khảo.

Signed for and on behalf of
the CONTRACTOR

Name: LEE YUN SEOK
Title: Project Manager
CONTRACTOR : Consoritium of MC-HDEC-CC1 (QUANG TRACH I THERMAL POWER PLANT PROJECT)
(Construction Operation license Number: 58/2021/HĐXD)

Signed for and on behalf of
the SUBCONTRACTOR

Name: TRẦN NGUYỄN GIÁP
Title: President: Director
SUBCONTRACTOR: VIETNAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION
(Corporation Registration Number: 0313306028)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

----------***----------

HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ HẢI QUAN
Số: 08-2019/HĐ/VGT-SECL.

- *Căn cứ Luật Hải quan 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014.*
- *Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.*

Hôm nay, ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam hai bên gồm có:

CHỦ HÀNG:
SAMSUNG ENGINEERING – THẦU CHÍNH EPC GÓI B (NM HDPE) DA LONG SƠN.
(sau đây được gọi là **"Bên A"**).
Mã số thuế: 3502369741.
Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà số 23, đường Nguyễn Thái Học, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.
Người đại diện: Ông
Chức vụ:

ĐẠI LÝ HẢI QUAN:
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM (VGT).
(sau đây gọi là **"Bên B"**).
Mã số thuế: 0313306028.
Địa chỉ: P15, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Người đại diện: Ông **TRẦN NGUYÊN GIÁP**.
Chức vụ: Giám đốc.
(*Quyết định công nhận đại lý làm thủ tục hải quan số 3787/QĐ-TCHQ ngày 03/11/2016 của Tổng cục Hải quan*).

Sau khi bàn bạc thảo luận, hai bên thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG

Bên A đồng ý cho bên B thực hiện các công việc sau:

+ Khai, ký tên, đóng dấu và nộp tờ khai hải quan; nộp, xuất trình chứng từ thuộc bộ tờ khai hải quan có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu; ký các biên bản do cán bộ hải quan lập có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu;

+ Xuất trình hàng hóa tại địa điểm được quy định để cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa (đối với trường hợp hàng hóa phải kiểm tra thực tế) và chứng kiến việc kiểm tra hàng hóa.

ĐIỀU 2: HÀNG HOÁ

Là toàn bộ máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu … được Bên A nhập khẩu vào Việt Nam để phục vụ cho việc thực hiện gói thầu B (NM HDPE) – Dự án Hóa dầu Long Sơn (chi tiết hàng hóa sẽ do bên A hoặc Nhà thầu phụ của bên A – PTSC Supply Base cung cấp).

ĐIỀU 3: THỜI HẠN

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2022. Trong vòng một tháng trước ngày hết hạn hợp đồng hai bên không có thông báo gì về việc gia hạn hợp đồng thì bản hợp đồng này được xem là đã thanh lý xong.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1) Trách nhiệm Bên A:

a. Phối hợp với Nhà Thầu PTSC Supply Base cung cấp đầy đủ các chứng từ cần thiết và chính xác liên quan đến lô hàng xuất nhập khẩu để bên B làm dịch vụ khai, truyền hải quan.

b. Bên A và Nhà Thầu PTSC Supply Base chịu trách nhiệm về tính pháp lý của từng lô hàng xuất nhập khẩu và các thông tin, chứng từ cung cấp cho bên B. Không xuất khẩu, nhập khẩu các loại hàng nhà nước cấm xuất khẩu, nhập khẩu.

c. Bên A và Nhà Thầu PTSC Supply Base có trách nhiệm phối hợp với đại lý hải quan để giải quyết những vấn đề phát sinh có liên quan đến lô hàng.

2) Trách nhiệm Bên B:

a. Đảm bảo kê khai chính xác tuyệt đối số liệu thực xuất khẩu, nhập khẩu/mã HS lên hệ thống hải quan điện tử VNACCS căn cứ theo số liệu, chứng từ mà bên A hoặc Nhà Thầu PTSC Supply Base cung cấp.

b. Gửi qua mail bản sao Tờ khai Hải quan điện tử đã được phân luồng thông quan cho bên A lưu trữ.

c. Bảo mật thông tin khách hàng, cũng như mọi thông tin có liên quan đến lô hàng nhập khẩu của bên A. Bên B cam kết không tiết lộ bất lý thông tin nào ra bên ngoài hoặc bên thứ 3.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện hợp đồng, cùng hỗ trợ và kịp thời thông báo cho nhau tình hình làm thủ tục, tình trạng hàng hóa và các thông tin cần thiết khác trong quá trình làm việc. Các trường hợp phát sinh nếu chưa được đề cập đến trong hợp đồng sẽ được bàn bạc giải quyết theo tập quán khai thuê hải quan. Các tranh chấp sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết thỏa đáng, không được đơn phương điều chỉnh các điều khoản trong hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu gặp khó khăn trở ngại thì hai bên phải cùng nhau bàn bạc giải quyết.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	GIÁM ĐỐC
JEONG MUN HEE	

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

----------***----------

CUSTOMS BROKERAGE AGREEMENT
No.: **08-2019/HD/VGT-SECL**

- *Basing on Law of Customs No. 54/2014/QH13 date 23 June 2014,*
- *Basing on actual demand and capability of both Parties,*

Today November 25th, 2019 at Vung Tau city, Ba Ria – Vung Tau province, Vietnam we are:

THE CONSIGNOR:
SAMSUNG ENGINEERING – MAIN CONTRACTOR EPC OF PACKAGE B (HDPE PLANT) – LONG SON PETROCHEMICALS PROJECT.
("Party A")
Tax code: 3502369741.
Address:5th Floor, 23 Nguyen Thai Hoc street, Vung Tau city, Ba Ria – Vung Tau province, Vietnam.
Representative: Mr.
Position:

CUSTOMS BROKERAGE AGENT:
VIET NAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION (VGT).
("Party B")
Tax code: 0313306028.
Address: D15, D2 street, ward 25, Binh Thanh district, Ho Chi Minh city, Vietnam.
Representative: Mr. **TRAN NGUYEN GIAP.**
Position: Managing Director.
(*License on Customs Brokerage Agent No. 3787/QD-TCHQ dated 03/11/2016 certified by General Department of Vietnam Customs*).

All parties agree with below terms and conditions:

ARTICLE 1: CONTENT

Party A agrees to Party B to perform the below tasks:

+ Declare, sign, stamp and submit customs declaration sheet; submit related documents to the shipment, sign record and other documents issued by customs officer related to the shipment;

+ To show cargo to customs for physical inspection (if cargo need physical inspection) and witness customs inspection.

ARTICLE 2: CARGO

Shall mean all machinery, equipment and materials, etc. to be imported to Vietnam for the construction work of Package B (HDPE Plant) - Long Son Petrochemicals Project (detailed cargo will be provided by Party A or Contractor of Party A - PTSC Supply Base).

ARTICLE 3: PERIOD OF THE AGREEMENT

This agreement is valid from the signing date until the end of 31/12/2022. Within one month before the expiration of the agreement, the two parties have not informed of the extension of the agreement, this agreement will be considered completed.

ARTICLE 4: RESPONSIBLE

1) Party A' Responsible:

a. To coordinate with Contractor - PTSC Supply Base to provide full and accurate documents of the shipment for Party B do customs declaration and clearance procedure.

b. Party A and Contractor - PTSC Supply Base takes responsibility on legal status of cargo; takes responsibility in case the information, documents not enough, not accurate and hence, causing legal mistake.

c. Party A and Contractor - PTSC Supply Base takes responsibility for coordinating with Customs Brokerage Agent (Party B) to resolve arising issues related to the shipment.

2) Party B' Responsible:

a. Ensure accurate declaration of actual information / HS code into VNACCS-Vietnam Ecustoms system based on data and documents provided by Party A or Contractor - PTSC Supply Base.

b. Send by email a copy of the customs declaration sheet that has been cleared by customs to Party A for storage.

c. Keep confidential about cargo and documents that are provided by Party A. Party B commits not to disclose any information to other parties.

ARTICLE 5: GENERAL

- All parties agree to seriously execute the agreement, to co-operate and to notify each other the real situation of the shipment in due course. Should there is any case not clarified in the agreement, both parties will discuss to solve as per normal practice of customs agent industry, not unilaterally adjust the terms of the agreement or cancel the agreement.
- If there are difficulties and obstacles, all parties must work together to discuss and resolve problems.
- This contract is made into two (02) copies, each party hold one, with equal value.

PARTY A	PARTY B
GIÁM ĐỐC DỰ ÁN	DIRECTOR
JEONG MUN HEE	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Viet Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Independence – Freedom – Happiness

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ HẢI QUAN

CUSTOMS AGENT SERVICE CONTRACT

Số (*No.*): TVC/VGT-HDDLHQ-001

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và có hiệu lực ngày 01/01/2006 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Pursuant to Business Law no 36/2005/QH ratified by the Socialist Republic of Vietnam Parliament on 14/6/2005 and became valid since 01/01/2006.

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 23/06/2014 số 54/2014/QH13 và có hiệu lực ngày 01/01/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Pursuant to Law on Customs no. 54/2014/QH13 ratified by the Socialist Republic of Vietnam Parliament on 23/06/2014 and became valid since 01/01/2015.

- Căn cứ thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 và có hiệu lực ngày 15/03/2015 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.

Pursuant to Circular No. 12/2015/TT-BTC dated 30/01/2015 and became valid since 15/03/2015 of the Ministry of Finance for detailing the procedures for issuance of certificate of training in customs declaration; issuance and revocation of customs broker number; procedures for recognition and operation of customs brokerage agents.

- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của các bên

Basing on demand and ability of parties

Hôm nay, ngày 22 tháng 02 năm 2024, chúng tôi gồm các bên:

Today, 22 Feb 2024, we are:

BÊN A/ PARTY A (BÊN THUÊ ĐẠI LÝ HẢI QUAN/ EMPLOYER OF CUSTOMS AGENT)

- Tên công ty (*Name*) : **CÔNG TY TNHH TTCL VIỆT NAM**
  TTCL VIETNAM CORPORATION LIMITED
- Địa chỉ (*address*) : Lầu 11, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.
  11th Floor, 106 Nguyen Van Troi, Ward 8, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Điện thoại (*Tel*) : 028 – 3997 7118
- Fax : 028 – 3997 7086
- MST(*Tax code*) : **0 3 0 0 7 9 0 7 2 9**
- Đại diện (*Represented by*): Ông Nguyễn Văn Lành / *Mr. Nguyen Van Lanh*
- Chức vụ : Giám đốc/ *Director*

BÊN B/ PARTY B *(ĐẠI LÝ HẢI QUAN/CUSTOMS AGENT)*

- Tên công ty (Name) : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM**
  VIET NAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION
- Địa chỉ (*address*) : P15 Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh,Tp.HCM, Việt Nam
  P15 D2 Street, Ward 25, Binh Thanh Distr., HCMC, Vietnam
  City, Vietnam.
- Điện thoại (*Tel*) : 028 – 38 277 597
- Fax : 028 – 38 277 599
- MST(*Tax code*) : **0 3 1 3 3 0 6 0 2 8**
- Đại diện (*Represented by*): Ông Trần Nguyên Giáp Chức vụ: Giám Đốc
  : Mr. Tran Nguyen Giap Title: Director

Đồng ý ký kết hợp đồng với những điều kiện và điều khoản dưới đây:

Agreed to sign contract with below terms and conditions:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ARTICLE 1: CONTENT

- Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện các công việc như một Đại lý hải quan, đại diện Bên A khai báo, ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan, ký sao các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, đứng tên trên lệnh giao hàng và nhận lệnh giao hàng, thanh toán tại hãng tàu và thực hiện các thủ tục nhận hàng cho lô hàng, cũng như nộp và xuất trình toàn bộ hồ sơ hải quan có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cho Bên A; xuất trình hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp thực hiện không đúng những công việc được uy quyền, khai không đúng những thông tin và chứng từ liên quan do Bên A cung cấp; thực hiện các công việc, thủ tục khác liên quan đến việc nhập khẩu vật tư, thiết bị hàng hóa cho dự án sau:

"DỰ ÁN KHO KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG LPG QUY MÔ CÔNG SUẤT 176.400 m3".

Party A agrees to appoint Party B to work on behalf of Party A as being the Customs Agent to declare, sign and stamp on the customs declaration form, signed the copies of the documents of the customs dossiers, be in name on delivery order and receive delivery order, make payment for shipping line and perform the customs procedure for imported shipments as well as submitting and presenting all of customs dossiers related to export or import goods for party A, presenting goods in order to be inspected by customs office; taking responsibility to the Law in case failing to properly perform authorized jobs, or declaring untruthfully of information and related documents supplied by Party A, proceeding others works and formalities concerning the importation of materials, equipment, merchandise projects as below:

"LPG LIQUEFIED PETROLEUM GAS TERMINAL WITH A CAPACITY OF 176,400 M3 PROJECT".

- Bên A cung cấp cho bên B các thông tin và chi tiết hàng hóa liên quan đến các lô hàng nhập khẩu của bên A và Bên A ủy quyền cho Bên B để Bên B tiến hành thủ tục Hải quan và liên hệ với các bên liên quan dưới sự giám sát của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này. Chi tiết cho mỗi lô hàng sẽ được Bên A gửi cho Bên B thông qua "Phiếu yêu cầu" như mẫu đính kèm (Đính kèm 1) qua thư điện tử (E-mail). Bên B không được sử dụng Hợp đồng đại lý khai thuê hải quan này để thực hiện việc nhập khẩu cho bất kỳ lô hàng nào mà không phải lô hàng Bên A đã gửi thông qua "Phiếu yêu cầu".

Party A provides information to party B which relates to all import shipments of Party

contact with related parties under observation by Part A. Party B shall be responsible for this authorization. Part A will send "Order sheet" (Attachment I) which indicates detail of each shipment to Part B via E-mail. Party B is not allowed to use this Customs Agent Contract to import any shipment which is not showed on "Order sheet" sent by Party A..

DIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 2: RESPONSIBILITIES OF PARTIES

1. Trách nhiệm của Bên A / *Responsibilities of Party A*

- Cung cấp cho Bên B các chứng từ pháp lý cần thiết theo yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền liên quan, cũng như cung cấp các thông tin cần thiết để thực hiện thủ tục khai báo hải quan.

  To provide Party B sufficient legal documents required by Vietnamese relevant authorities as well as providing necessary information for execution of customs clearance procedure.

- Nhanh chóng cung cấp cho Bên B đầy đủ các thông tin, chứng từ của hàng hóa nhập khẩu (loại hàng hóa, số lượng, giá trị nhập khẩu, khối lượng, đặc tính hàng hóa, đóng gói, thời gian lên tàu, thời gian khởi hành dự kiến, thời gian đến dự kiến).

  To provide Party B with sufficient information, documents of the imported shipments (commodities, quantity, import value, weight/volume, cargo specification, packing style, time of loading, ETD (estimated time of departure), ETD (Estimated time of Departure), ETA (Estimated time of arrival).

- Chịu trách nhiệm với các cơ quan hữu quan về các số liệu liên quan đến hàng hóa đã được bên B khai báo theo hồ sơ do Bên A cung cấp khi làm thủ tục Hải quan cho các lô hàng nhập khẩu của Bên A.

  To be responsible to Authorities for information regarding to shipments which was declared by Party B in accordance with documents provided by Party A when doing customs procedure for import shipments of Party A.

- Thực hiện các trách nhiệm liên quan được yêu cầu đối với chủ hàng (consignee) bởi các cơ quan chức năng.

  To perform responsibilities as requested to consginee by authorities.

- Thanh toán thuế nhập khẩu, thuế VAT nhập khẩu và các thuế khác (nếu có) một cách đầy đủ và đúng thời hạn quy định của pháp luật.

  To pay import tax, VAT tax and other tax (if any) fully and timely in accordance with

- Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các thủ tục cần thiết trong việc nhập khẩu hàng hóa.

  To closely coordinate and support Part B for settlement of necessary formalities to import the goods.
- Trường hợp xét thấy Bên B không đáp ứng được các yêu cầu của hợp đồng và Bên A đã yêu cầu khắc phục nhưng Bên B vẫn không đáp ứng được yêu cầu của hợp đồng thì Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

  To be entiled to terminate the contract performance with Party B before the contract expiration by Party A in case Party B does not able to meet the requirement of the contract and the Party A has requested to improve the service, but the Party B still does not meet the requirements.
- Quản lý Bên B thực hiện tốt thủ tục hải quan theo quy trình được thỏa thuận và pháp luật Việt Nam.

  To control Party B for full customs formalities implementation in accordance with agreed progress and Vietnam's law and regulations.
- Hỗ trợ Bên B áp mã thuế nhập khẩu.

  To support Part B to apply code of import goods.
- Thanh toán trực tiếp cho Bên B tất cả các khoản chi phí, lệ phí cho thủ tục khai báo hải quan, dịch vụ làm thủ tục và các khoản phí khác (nếu có) mà bên B đã chi hộ.

  All costs and fees generating from customs formalities, forwarding services and other fees (if any) which was paid as a substitute by party B, will be at Party A's responsibilities to settle directly to Party B.

2. Trách nhiệm của Bên B / *Responsibilities of Party B*
   - Xử lý và hoàn thành tất cả các thủ tục pháp lý để nhập khẩu hàng hóa đúng thời gian quy định, làm dịch vụ theo trách nhiệm dưới sự quản lý và hướng dẫn bởi Bên A.

     To deal and complete all legal formalities to import the goods in accordance with concluded time frame under control and instruction by Party A.
   - Đứng tên trên lệnh giao hàng và nhận lệnh giao hàng tại hãng tàu, hoàn thành tất cả các thủ tục pháp lý một cách an toàn, nhanh chóng.

     To be in name on delivery order, receive delivery order from shipping line, complete all legal formalities safely, promptly and accordingly to the agreed process among the Parties.
   - Sắp xếp nhân viên đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc thiết bị thích hợp để thực hiện tốt công việc. Bên B phải hoàn toàn tuân theo hướng dẫn của Bên A về thời gian

vấn đề làm ảnh hưởng đến thời gian giao hàng thì phải thông báo ngay cho Bên A để đưa ra hướng giải quyết tốt nhất.

To arrange experienced and acknowledged staffs, suitable equipment to perform the works properly. Party B shall comply strictly the delivery time instructed by Party A from time to time and according to customs clearance procedure and time frame agreed by Party A and Party B. If Party B foresee/see/encounter any problems which may effect delivery time, Party B must notice to Party A immediately and co-operate with Party A to work for the best solution.

- Bàn giao đầy đủ, kịp thời các chứng từ liên quan đến nộp thuế của lô hàng nhập khẩu cho Bên A.

  To hand over full of documentation related to the tax payment for imported shipment of Party A timely.
- Thực hiện việc báo cáo hàng ngày cho Bên A về lịch trình, tiến độ thực hiện công việc từ khi nhận đủ hồ sơ lô hàng từ Bên A.

  To be responsible for the daily report to Party A on the schedule, progress of the works from the date of receiving full dossiers from Party A.
- Thực hiện đúng các quy định về pháp luật Hải quan và các quy định khác liên quan đến hàng hóa Xuất nhập khẩu.

  To comply with the Vietnam customs law and other relevant regulations to Im/export goods.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra bất kỳ sai phạm do khai báo Hải Quan cho hàng hóa nhập khẩu không đúng với các số liệu đã được Bên A cung cấp, căn cứ theo "Phiếu yêu cầu", phiếu đóng gói hàng hóa, hóa đơn thương mại, ... là những thông tin hàng hóa đã được xác nhận bởi Bên A.

  To be responsible to the Law for any mistake in customs declaration works compared with the the information supplied by Party A which is based on "Order Sheet", Packing list, Commercial Invoice, etc. confirmed by Party A.
- Chịu trách nhiệm về việc chậm trễ tiến độ dự án do những ảnh hưởng từ việc nhập khẩu, vận chuyển và giao hàng kể cả trách hiệm pháp lý đối với hàng hóa nhập khẩu do lỗi của bên B.

  To be responsible for project delay due to effect of import, transportation and delivery including legal responsibility of goods caused by Party B.

DIỀU 3: DIỀU KHOẢN THANH TOÁN

ARTICLE 3: PAYMENT TERM

- Theo thỏa thuận giữa Bên A và Bên B

  In accordance with agreement between Party B and Party B.

2. Thời hạn thanh toán / *payment time*

- Theo thỏa thuận giữa Bên A và Bên B

  In accordance with agreement between Party A and Party B.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

ARTICLE 4: CONTRACT DURATION

- Hợp đồng này sẽ có hiệu lực ngay sau khi ký bởi đại diện hợp pháp của các bên đến hết ngày 31/12/2025. Trong trường hợp chất lượng dịch vụ cung cấp bởi Bên B không đáp ứng được yêu cầu của Bên A, thời hạn hiệu lực mới sẽ được Bên A xem xét lại và thông báo cho Bên B.

  This Contract shall come into force right after it is signed by the duly authorized representatives of the parties, and shall be valid and effective until 31st Dec 2025. In case the service quality of Party B does not meet the requirement of the Party A, the contract duration shall be considered by Party A and informed to Party B.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 5: GENERAL TERM

- Hợp đồng này thay thế giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền để Bên B được đại diện Bên A đứng tên trên Lệnh giao hàng, nhận lệnh giao hàng, thực hiện các thủ tục nhận hàng, thanh toán tại các hãng tàu, đại lý hãng tàu và sân bay cho các lô hàng nhập khẩu của Bên A theo phiếu yêu cầu được ký xác nhận của bên A phát hành cho bên B

  This contract is replaced a letter of recommendation or letter of authority to Party B by Party A, which allows Party B to be in name on delivery order and receive delivery order, implement procedures for receiving goods, make payment to shipping lines or shipping agents and Airport for the imported shipments of Party A in accordance with the Order Sheet approved and issued by the Party A to Party B.

- Các trách nhiệm về thương mại giữa các bên sẽ được thực hiện theo các hợp đồng liên quan khác.

  Responsibilities for commercial matter between two parties shall be governed by other related agreements.

- Mọi thay đổi, điều chỉnh liên quan đến hợp đồng này phải được các bên cùng thống nhất và lập thành phụ lục hợp đồng.

  Any changes, adjustments related to this contract must be mutually agreed and

- Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này.
  Any dispute arising out of or in relation with this contract shall be resolved by arbitration at the Vietnam International Arbitration Centre at the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VIAC) in accordance with its Rules of Arbitration.
- Hợp đồng này được lập song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác biệt về cách hiểu giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì văn bản tiếng Việt là căn cứ pháp lý.
  The contract is produced in Vietnamese and English. In the event of inconsistency between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail to the extent of the inconsistency.
- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản, mỗi bên giữ hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau.
  The contract was established four (04) copies, each party hold two (02) copies with equal value and legality.

FOR AND ON BEHALF OF PARTY A	FOR AND ON BEHALF OF PARTY B
ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY TNHH TTCL VIỆT NAM	**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM**
CÔNG TY TNHH TTCL VIỆT NAM Nguyen Van Lanh General Manager	GIÁM ĐỐC Trần Nguyên Giáp
(TTCL VIETNAM CORPORATION LIMITED))	*(VIET NAM GLOBAL TRANSPORT CORPORATION)*

ATTACHMENT 1/ *ĐÍNH KÈM 1*

ORDER SHEET (OS)

Inland Transportation Service

For Project: LPG LIQUEFIED PETROLEUM GAS TERMINAL WITH A CAPACITY OF 176,400 M3 PROJECT
Service PO No.:
OS No.:

From:	TTCL VIETNAM CORPORATION LIMITED (TVC)	To:	
	Ms. Pham Thi Phuong Hong Que Ms. Nguyen Ngoc Phuong Ms. Nguyen Thi Thuy	Attn:	

Please note our coming cargo for the project with following details:

1. Shipping details:

1	Commodity	
2	Packages / Volume	
3	Bill of Lading	
4	Packing list number	
5	ETD / ETA	
6	POL / POD	
7	Delivery point	
8	Pick up date	

2. Doc attached

1	Bill of Lading	
2	Packing list	
3	Other	

Order by TVC		Acknowledge by Contractor	
Date		Date	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ HẢI QUAN
Số: 02052024/VGT-COLAS

- Căn cứ vào Luật và quy định hiện hành về khai thuê hải quan tại Việt Nam;
- Dựa trên Thông tư 12/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài Chính;

Hợp đồng này được lập vào ngày 02 tháng 05 năm 2024 tại Hà Nội, đại diện hai bên gồm có

Bên A: CTY CP COLAS RAIL-TC GÓI THẦU SỐ HPLML-CP07 DA DG SẮT ĐÔ THỊ THÍ ĐIỂM TP HN, ĐOẠN NHỔN - GA HN.
Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Toserco, 273 Kim Mã, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội.
Số điện thoại/Fax:
Mã số thuế: 0107338338
Đại diện: Jean Jacques Largent
Chức vụ: Trưởng VP Dự án

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM
Địa chỉ: P15, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạch , Thành Phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại/Fax: +84 43 9323 999 / +84 43 5511 777
Mã số thuế: 0313306028
Đại diện: Trần Nguyên Giáp
Chức vụ: Giám đốc

Điều 1: Nội dung công việc:

A/ Bên A đồng ý chỉ định Bên B làm Đại lý Hải quan cho các lô hàng XNK của bên A với các công việc sau:

1, Khai các Tờ khai Hải Quan

2, Nộp và xuất trình bộ hồ sơ hải quan có liên quan đến lô hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nói trên

3, Ký, đóng dấu bản sao các chứng từ thuộc Hồ sơ hải quan có liên quan đến lô hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, thay mặt bên A kí các công văn liên quan đến việc giải phóng hàng.

4, Xuất trình hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra và chứng kiến việc kiểm tra hàng hóa.

5, Đệ trình các khiếu nại, yêu cầu xét lại hay điều chỉnh các quyết định của cơ quan Hải quan liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

6, Ký các biên bản do cán bộ hải quan lập có liên quan đến lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

7, Ký và đóng dấu chứng từ báo cáo được yêu cầu từ phía hải quan.

8, Thực hiện các thủ tục hành chính khác với cơ quan hải quan

B/ Bên A đồng ý ủy quyền cho bên B thay mặt bên A thực hiện các công việc sau:

1, Giao dịch với cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện việc kiểm tra chất lượng nhà nước đối với các lô hàng nhập khẩu của bên A.

2, Bên A ủy quyền cho bên B thay mặt bên A thực hiện các giao dịch tại các cơ quan liên quan, các hãng tầu , đại lý hãng tầu để làm thủ tục nhận hàng và thay mặt bên A đóng phí và đứng tên trên Hóa đơn cho lô hàng bên A.

3, Sử dụng tên công ty, địa chỉ, MST 0313306028 của mình để thanh toán toàn bộ các chi phí liên quan đến việc nhận hàng nhập khẩu tại Đại lý, Hãng tàu, Cảng vụ

Điều 2: Trách nhiệm bên A

- Cung cấp chính xác thông tin về hàng hóa và trợ giúp theo yêu cầu của Bên B, để thực hiện trách nhiệm như quy định tại Điều khoản 1 thuộc Hợp đồng này.
- Bảo đảm cho Bên B tránh những hậu quả, tổn thất, khiếu nại, kiện tụng, các khoản phạt, chi phí phát sinh, có liên quan đến những thiếu sót, sự không chính xác hoặc thông tin gây hiểu nhầm từ phía bên B hoặc các lỗi, thiếu sót, vi phạm quy định hoặc luật từ phía Bên A.
- Chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý về tính chất và nội dung của hàng nhập khẩu/xuất khẩu cho đến khi lô hàng đã được quyết toán và thời hạn phúc tập lô hàng theo quy định của pháp luật Hải quan Việt Nam.

Điều 3: Trách nhiệm bên B

- Thực hiện các công việc đại lý khai thuê hải quan thay mặt cho Bên A theo như quy định tại Điều khoản 1 thuộc hợp đồng này.
- Tuân thủ các điều khoản và điều kiện trong Hợp đồng Đại lý Hải quan, các quy định và luật hiện hành, và các yêu cầu Hải quan Việt Nam trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

Điều 4: Thanh toán

- Bên A thanh toán cho bên B phí đại lý Hải quan và các dịch vụ có liên quan được quy định trong hợp đồng này.

Điều 5: Thời hạn hiệu lực và chấm dứt thỏa thuận:

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực sau khi hoàn thành thủ tục nhập khẩu lô hàng vận đơn 13155120203.

Điều 6: Trọng tài

- Hợp đồng này được lập theo luật Việt Nam. Hai bên không được thay đổi trọng tài phán quyết nào khác ngoài Tòa Án Việt Nam

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Jean Jacques Lavigent	GIÁM ĐỐC
Trưởng VP Dự án	Trần Nguyên Giáp



PHẦN 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam
[02] Mã số thuế: 0313306028
[03] Địa chỉ: P15, đường D2, phường 25
[04] Quận/Huyện: Quận Bình Thạnh
[05] Tỉnh/Thành phố: Tp. HCM
[06] Điện thoại:
[07] Fax:
[08] E-mail: hieu.nc80@gmail.com

BCTC đã được kiểm toán: []
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**134.474.803.762**	**78.678.115.162**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	**110**		**25.065.818.492**	**2.327.540.844**
1. Tiền	111		25.065.818.492	2.327.540.844
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	**120**		**0**	**0**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	**130**		**94.411.228.881**	**67.509.711.064**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		82.130.613.517	50.790.682.930
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.840.984.443	4.077.210.691
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		5.439.630.921	12.641.817.443
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	**140**		**3.449.151.416**	**680.511.224**
1. Hàng tồn kho	141		3.449.151.416	680.511.224
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	**150**		**11.548.604.973**	**8.160.352.030**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.377.153.464	1.541.147.530
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.255.247.018	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		431.117.727	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		7.485.086.764	6.619.204.500
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**104.808.849.936**	**85.932.084.379**
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +....+ 216 + 219)	**210**		**0**	**0**

1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	**220**	**95.516.376.243**	**71.274.190.044**
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	**221**	**46.947.152.444**	**16.982.126.485**
- Nguyên giá	222	82.407.043.334	44.314.031.291
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223	(35.459.890.890)	(27.331.904.806)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	**224**	48.569.223.799	54.292.063.559
- Nguyên giá	225	68.802.297.473	63.481.960.598
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226	(20.233.073.674)	(9.189.897.039)
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	**227**	0	0
- Nguyên giá	228	0	0
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229	0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	**230**	**0**	**0**
- Nguyên giá	231	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0
IV. Tài sản dang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	**240**	**0**	**109.090.909**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	0	109.090.909
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ...+ 255)	**250**	**0**	**0**
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253	0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	**260**	**9.292.473.693**	**14.548.803.426**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.822.296.222	3.104.909.955
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	7.470.177.471	11.443.893.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**	**239.283.653.698**	**164.610.199.541**
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	**300**	**180.906.518.394**	**112.712.490.916**
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	**310**	**146.117.947.136**	**62.194.192.970**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	95.897.646.710	33.836.830.264
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9.540.421.038	6.876.884.276
4. Phải trả người lao động	314	5.352.990.697	2.398.179.191
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	0	0

6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	35.326.888.691	7.952.080.895
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	0	11.130.218.344
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	**330**	**34.788.571.258**	**50.518.297.946**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	0	4.171.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	34.788.571.258	46.346.797.946
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**	**58.377.135.304**	**51.897.708.625**
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	**410**	**58.377.135.304**	**51.897.708.625**
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 =421a + 421b)	421	28.377.135.304	21.897.708.625
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	21.858.753.896	15.856.232.474
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	6.518.381.408	6.041.476.151
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	**430**	**0**	**0**

1. Nguồn kinh phí	431	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	239.283.653.698	164.610.199.541

Lập, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Trần Nguyên Giáp

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

(1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.

(2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

(3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".

(4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] **Tên người nộp thuế:** Công ty cổ phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam
[03] Mã số thuế: 0313306028

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		365.600.566.558	172.959.419.190
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**365.600.566.558**	**172.959.419.190**
4. Giá vốn hàng bán	11		332.560.766.487	153.317.068.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**33.039.800.071**	**19.642.350.198**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		16.569.795	3.763.944
7. Chi phí tài chính	22		4.032.737.775	3.798.127.914
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.032.737.775	3.798.127.914
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		21.651.330.328	15.327.128.414
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**7.372.301.763**	**520.857.814**
11. Thu nhập khác	31		2.506.713.616	16.109.751.425
12. Chi phí khác	32		1.610.020.705	9.117.271.861
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**896.692.911**	**6.992.479.564**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**8.268.994.674**	**7.513.337.378**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.750.613.266	1.051.867.233
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**6.518.381.408**	**6.461.470.145**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu	Kế toán trưởng	*Lập, ngày 04 tháng 05 năm 2022* **Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Trần Nguyên Giáp

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)

Mẫu số: B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam
[03] Mã số thuế: 0313306028

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		**8.268.994.674**	**7.513.337.378**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		20.110.768.259	15.722.090.839
- Các khoản dự phòng	03		0	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		113.301.211	(3.763.944)
- Chi phí lãi vay	06		4.032.737.775	3.798.127.914
- Các khoản điều chỉnh khác	07		0	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		**32.525.801.919**	**27.029.792.187**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.712.699.635)	(25.303.674.924)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.768.640.192)	(548.769.268)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		90.377.838.758	15.249.026.852
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.446.607.799	(1.882.914.717)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		0	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.032.737.775)	(3.798.127.914)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.090.821.962)	(1.502.956.408)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		**95.745.348.912**	**9.242.375.808**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(44.632.629.100)	(11.210.651.485)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		149.803.636	0
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.569.795	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(44.466.255.669)**	**(11.210.651.485)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				

1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0	0
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3.Tiền thu từ đi vay	33	24.165.130.769	45.175.490.143
4.Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.621.476.113)	(26.160.976.771)
5.Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(16.084.470.251)	(16.884.789.674)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	(420.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	**(28.540.815.595)**	**1.709.723.698**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**22.738.277.648**	**(258.551.979)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	2.327.540.844	2.586.092.823
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**25.065.818.492**	**2.327.540.844**

Lập, ngày 04 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Trần Nguyên Giáp

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

Cao Xuân Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam
[02] Mã số thuế: 0313306028
[03] Địa chỉ: P15, đường D2, phường 25 | **[04] Quận/Huyện:** Quận Bình Thạnh | **[05] Tỉnh/Thành phố:** TP Hồ Chí Minh
[06] Điện thoại: | **[07] Fax:** | **[08] E-mail:** hieu.nc80@gmail.com
BCTC đã được kiểm toán: []
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**75.342.602.698**	**134.474.803.762**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	**110**		**10.906.858.238**	**25.065.818.492**
1. Tiền	111		10.906.858.238	25.065.818.492
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	**120**		**0**	**0**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	**130**		**60.066.468.094**	**94.411.228.881**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		41.721.342.402	82.130.613.517
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		329.603.947	6.840.984.443
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		18.015.521.745	5.439.630.921
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	**140**		**1.408.731.268**	**3.449.151.416**
1. Hàng tồn kho	141		1.408.731.268	3.449.151.416
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	**150**		**2.960.545.098**	**11.548.604.973**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.996.492.806	1.377.153.464
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	2.255.247.018
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	431.117.727
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		964,052.292	7.485.086.764
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**100.876.036.515**	**104.808.849.936**
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +....+ 216 + 219)	**210**		**0**	**0**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	**220**	**90.114.754.653**	**95.516.376.243**
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	**221**	**46.980.188.890**	**46.947.152.444**
- Nguyên giá	222	97.039.482.966	82.407.043.334
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223	(50.059.294.076)	(35.459.890.890)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	**224**	43.134.565.763	48.569.223.799
- Nguyên giá	225	72.460.031.477	68.802.297.473
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226	(29.325.465.714)	(20.233.073.674)
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	**227**	0	0
- Nguyên giá	228	0	0
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229	0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	**230**	**0**	**0**
- Nguyên giá	231	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0
IV. Tài sản dang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	**240**	**0**	**0**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ...+ 255)	**250**	**0**	**0**
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253	0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	**260**	**10.761.281.862**	**9.292.473.693**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.035.821.721	1.822.296.222
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	8.725.460.141	7.470.177.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**	**176.218.639.213**	**239.283.653.698**
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	**300**	**76.157.134.450**	**180.906.518.394**
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	**310**	**43.517.450.112**	**146.117.947.136**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	38.881.732.518	95.897.646.710
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.959.394.314	9.540.421.038
4. Phải trả người lao động	314	2.082.691.000	5.352.990.697
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	593.632.280	35.326.888.691
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	**330**	**32.639.684.338**	**34.788.571.258**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	32.639.684.338	34.788.571.258
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**	**100.061.504.763**	**58.377.135.304**
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	**410**	**100.061.504.763**	**58.377.135.304**
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	70.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	70.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 =421a + 421b)	421	30.061.504.763	28.377.135.304
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	28.007.448.281	21.858.753.896
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	2.054.056.482	6.518.381.408
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	**430**	**0**	**0**
1. Nguồn kinh phí	431	0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	176.218.639.213	239.283.653.698

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Trần Nguyên Giáp

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

(1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.

(2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

(3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".

(4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

[02] **Tên người nộp thuế:** Công ty cổ phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam
[03] Mã số thuế: 0313306028

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		261.601.051.702	365.600.566.558
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**261.601.051.702**	**365.600.566.558**
4. Giá vốn hàng bán	11		237.001.361.823	332.560.766.487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**24.599.689.879**	**33.039.800.071**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		15.352.814	16.569.795
7. Chi phí tài chính	22		2.675.380.635	4.032.737.775
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.675.380.635	4.032.737.775
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		18.068.722.416	21.651.330.328
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**3.870.939.642**	**7.372.301.763**
11. Thu nhập khác	31		1.103.632.515	2.506.713.616
12. Chi phí khác	32		2.049.259.510	1.610.020.705
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(945.626.995)**	**896.692.911**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**2.925.312.647**	**8.268.994.674**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		871.256.165	1.750.613.266
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**2.054.056.482**	**6.518.381.408**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Trần Nguyên Giáp

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM*



PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)

Mẫu số: B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2022

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam
[03] Mã số thuế: 0313306028

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		**3.021.318.661**	**8.268.994.674**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		25.358.299.941	20.110.768.259
- Các khoản dự phòng	03		0	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		753.187.723	113.301.211
- Chi phí lãi vay	06		2.675.380.635	4.032.737.775
- Các khoản điều chỉnh khác	07		0	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		**31.808.186.960**	**32.525.801.919**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		43.552.160.004	(20.712.699.635)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.040.420.148)	(2.768.640.192)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(54.227.932.447)	90.377.838.758
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(832.864.841)	1.446.607.799
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		0	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		0	(4.032.737.775)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.750.613.266)	(1.090.821.962)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		**16.508.516.262**	**95.745.348.912**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14.255.370.370)	(44.632.629.100)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	149.803.636
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.348.304	16.569.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(14.240.022.066)**	**(44.466.255.669)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				

1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.369.185.200	0
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3.Tiền thu từ đi vay	33	0	24.165.130.769
4.Tiền trả nợ gốc vay	34	0	(36.621.476.113)
5.Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(17.629.460.391)	(16.084.470.251)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	**(16.260.275.191)**	**(28.540.815.595)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**(13.991.780.995)**	**22.738.277.648**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	25.065.818.492	2.327.540.844
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(167.179.259)	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**10.906.858.238**	**25.065.818.492**

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Trần Nguyên Giáp

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM*

M.S.C.N: 0113306028-001 - C.T.C.P
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Cao Xuân Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

[01] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam
[02] Mã số thuế: 0313306028
[03] Địa chỉ: P15, đường D2, phường 25 **[04] Quận/Huyện:** Quận Bình Thạnh **[05] Tỉnh/Thành phố:** TP Hồ Chí Minh
[06] Điện thoại: **[07] Fax:** **[08] E-mail:** hieu.nc80@gmail.com
BCTC đã được kiểm toán: []
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**82.179.316.654**	**75.342.602.698**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	**110**		**13.403.325.976**	**10.906.858.238**
1. Tiền	111		13.403.325.976	10.906.858.238
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	**120**		**0**	**0**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	**130**		**64.757.980.875**	**60.066.468.094**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		54.792.702.335	41.721.342.402
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		68.437.039	329.603.947
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		9.896.841.501	18.015.521.745
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	**140**		**0**	**1.408.731.268**
1. Hàng tồn kho	141		0	1.408.731.268
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	**150**		**4.018.009.803**	**2.960.545.098**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.377.057.657	1.996.492.806
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.640.952.146	964.052.292
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**159.158.061.063**	**100.876.036.515**
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +....+ 216 + 219)	**210**		**(583.373.310)**	**0**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	(583.373.310)	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	**220**	**140.229.082.143**	**90.114.754.653**
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	**221**	**54.647.175.937**	**46.980.188.890**
- Nguyên giá	222	121.757.172.407	97.039.482.966
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223	(67.109.996.470)	(50.059.294.076)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	**224**	85.581.906.206	43.134.565.763
- Nguyên giá	225	121.084.042.094	72.460.031.477
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226	(35.502.135.888)	(29.325.465.714)
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	**227**	0	0
- Nguyên giá	228	0	0
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229	0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	**230**	**0**	**0**
- Nguyên giá	231	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0
IV. Tài sản dang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	**240**	**0**	**0**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ...+ 255)	**250**	**0**	**0**
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253	0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	**260**	**19.512.352.230**	**10.761.281.862**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3.253.074.545	2.035.821.721
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	16.259.277.685	8.725.460.141
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**	**241.337.377.717**	**176.218.639.213**
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	**300**	**134.075.526.204**	**76.157.134.450**
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	**310**	**58.666.328.027**	**43.517.450.112**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	27.064.670.086	38.881.732.518
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.489.524.338	1.959.394.314
4. Phải trả người lao động	314	3.884.932.320	2.082.691.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19.000.000.000	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	2.227.201.283	593.632.280
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	**330**	**75.409.198.177**	**32.639.684.338**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	60.000.000	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	75.349.198.177	32.639.684.338
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**	**107.261.851.513**	**100.061.504.763**
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	**410**	**107.261.851.513**	**100.061.504.763**
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	70.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	70.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 =421a + 421b)	421	37.261.851.513	30.061.504.763
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	30.061.504.763	28.007.448.281
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	7.200.346.750	2.054.056.482
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	**430**	**0**	**0**
1. Nguồn kinh phí	431	0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	241.337.377.717	176.218.639.213

Lập, ngày 01 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Trần Nguyên Giáp

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

(1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.

(2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

(3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".

(4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam
[03] Mã số thuế: 0313306028

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		272.305.154.967	261.601.051.702
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**272.305.154.967**	**261.601.051.702**
4. Giá vốn hàng bán	11		241.218.002.015	237.001.361.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**31.087.152.952**	**24.599.689.879**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.335.197	15.352.814
7. Chi phí tài chính	22		2.721.050.397	2.675.380.635
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.721.050.397	2.675.380.635
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		19.115.849.186	18.068.722.416
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**9.256.588.566**	**3.870.939.642**
11. Thu nhập khác	31		2.426.375.360	1.103.632.515
12. Chi phí khác	32		2.682.530.488	2.049.259.510
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(256.155.128)**	**(945.626.995)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**9.000.433.438**	**2.925.312.647**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.800.086.688	871.256.165
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**7.200.346.750**	**2.054.056.482**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu	Kế toán trưởng	*Lập, ngày 01 tháng 04 năm 2024* **Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Trần Nguyên Giáp

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM.*

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)

Mẫu số: B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: Công ty cổ phần Vận Tải Toàn Cầu Việt Nam
[03] Mã số thuế: 0313306028

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		**9.000.433.438**	**3.021.318.661**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		27.556.931.535	25.358.299.941
- Các khoản dự phòng	03		583.373.310	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(52.631.493)	753.187.723
- Chi phí lãi vay	06		2.721.050.397	2.675.380.635
- Các khoản điều chỉnh khác	07		0	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		**39.809.157.187**	**31.808.186.960**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.368.412.635)	43.552.160.004
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.408.731.268)	(2.040.420.148)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.816.506.571	(54.227.932.447)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.597.817.675)	(832.864.841)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		0	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(871.256.165)	(1.750.613.266)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		60.000.000	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(64.320.000)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		**39.375.126.015**	**16.508.516.262**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.066.484.913)	(14.255.370.370)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.404.178.145	0
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.335.197	15.348.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(15.655.971.571)**	**(14.240.022.066)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				

1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	1.369.185.200
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4.Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5.Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(21.222.686.706)	(17.629.460.391)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**(21.222.686.706)**	**(16.260.275.191)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**2.496.467.738**	**(13.991.780.995)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		10.906.858.238	25.065.818.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	(167.179.259)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**13.403.325.976**	**10.906.858.238**

Lập, ngày 01 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
		Trần Nguyên Giáp

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: *CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI TOÀN CẦU VIỆT NAM.*

